

Số: 09/2021/TTr-HĐQT

TP. Đà Nẵng, ngày 30 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019,
năm 2020 phát hành lại đã được kiểm toán của Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả ("**Điều lệ**");
- Căn cứ các tài liệu, hồ sơ liên quan.

Hội đồng quản trị ("**HDQT**") Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả ("**Công ty/HHV**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCĐ**") thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cho năm 2019 và năm 2020 phát hành lại đã được kiểm toán, cụ thể:

Báo cáo tài chính năm 2019 và năm 2020 đã được kiểm toán phát hành lại: do sơ suất nên việc trình bày một số thông tin bị lỗi, chưa đầy đủ. Các nội dung được bổ sung, cập nhật lại không làm thay đổi kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của HHV.

(Nội dung chi tiết theo các Báo cáo tài chính năm 2019, năm 2020 đính kèm)

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019, năm 2020 của Công ty phát hành lại đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) và đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát (báo cáo);
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hồ Minh Hoàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG
ĐÈO CẢ**

Báo cáo tài chính riêng

*Cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	14 - 62



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **2.270.090.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cà, Cồ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	63,40%	63,40%	820.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà	60,12%	60,12%	914.081.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty liên doanh, liên kết:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Vốn đầu tư (VND)</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	46,01%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	22,17%	22,17%	94.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Phước Tượng - Phú Gia	Thôn Trung Phước Tượng, Xã Lộc Trì, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08-08-2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08-08-2019	
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Phó chủ tịch	05-05-2017	
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05-04-2019	
Ông: Đỗ Văn Nam	Chủ tịch	16-11-2017	08-08-2019
Ông: Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	
Ông: Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	17-06-2020
Ông: Lưu Bá Hợp	Thành viên	05-05-2017	05-04-2019
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21-07-2015	
Ông: Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập	26-09-2016	17-06-2020
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	12-08-2016	05-04-2019
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17-06-2020	
Ông: Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17-06-2020	
Ông: Trần Chung	Thành viên	17-06-2020	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông: Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Tổng giám đốc		10-01-2020
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	17-06-2020
Ông: Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng giám đốc	23-01-2017	17-04-2019
Ông: Võ Cảnh Tình	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	14-11-2019
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	17-06-2020
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10-12-2020	
Ông: Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	08-05-2019	24-5-2019
Ông: Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	21-12-2020
Ông: Phạm Quốc Vượng	Phó Tổng giám đốc	24-05-2019	01-06-2020
Ông: Lê Hồng Vũ	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	01-09-2020
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	
Ông: Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14-01-2021	
Ông: Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	09-01-2020	30-03-2021
Bà: Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30-03-2021	
Ông: Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	15-10-2019	
Bà: Phạm Thị Huyền Trang	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	01-06-2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16-04-2018	
Ông: Phạm Lê Huy	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông: Lưu Tuấn Vũ	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông: Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17-06-2020	26-04-2021
Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17-06-2020	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	27-04-2021	

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Tổng Giám đốc	20-10-2017	09-01-2020
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	

Kế toán trưởng:

Ông: An Văn Thiện		05-04-2019	17-06-2020
Ông: Nguyễn Văn Ân			05-04-2019
Ông: Nguyễn Văn Ân		17-06-2020	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

Số: 473/BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, được lập ngày 02 tháng 07 năm 2021 từ trang 07 đến trang 62, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		538.853.911.320	151.354.071.774
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	9.484.547.074	3.157.627.456
111	1. Tiền		3.484.547.074	3.157.627.456
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		422.544.515.422	71.446.086.575
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	129.780.042.432	41.912.189.793
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	2.682.715.879	2.574.133.995
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05		339.770.216
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	303.396.158.342	41.196.084.145
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.03	(13.314.401.231)	(14.576.091.574)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	106.130.596.897	76.086.423.390
141	1. Hàng tồn kho		106.130.596.897	76.086.423.390
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		694.251.927	663.934.353
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	694.251.927	663.934.353
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15		
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



11/01/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.292.301.559.890	209.157.548.180
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			13.884.349.800
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05		13.787.709.800
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.06		96.640.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		51.542.209.668	98.127.859.431
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	50.962.596.083	97.535.364.758
222	- Nguyên giá		125.677.041.156	172.987.003.114
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(74.714.445.073)	(75.451.638.356)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	579.613.585	592.494.673
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(83.679.049)	(70.797.961)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.09	497.762.553	19.574.271
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		497.762.553	19.574.271
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	2.238.215.900.000	91.283.120.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.006.715.900.000	
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		229.500.000.000	13.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			77.783.120.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.045.687.669	5.842.644.678
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	2.045.687.669	5.842.644.678
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.831.155.471.210	360.511.619.954



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		533.985.695.693	258.964.263.612
310	I. Nợ ngắn hạn		294.127.362.359	254.154.041.400
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	104.254.218.959	52.118.095.808
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	13.671.606.067	34.747.474.786
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	6.011.764.408	8.783.710.232
314	4. Phải trả người lao động		7.522.165.361	7.985.629.368
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	17.031.908.192	38.559.844.565
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	9.717.695.417	7.377.910.273
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	134.806.331.880	104.083.118.798
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.111.672.075	498.257.570
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		239.858.333.334	4.810.222.212
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	239.858.333.334	4.810.222.212
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	2.297.169.775.517	101.547.356.342
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.297.169.775.517	101.547.356.342
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.270.090.900.000	79.375.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.270.090.900.000	79.375.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			(289.680.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		3.200.097.043	1.882.651.379
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.878.778.474	20.579.384.963
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.656.212.035	7.404.928.314
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.222.566.439	13.174.456.649
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.831.155.471.210	360.511.619.954

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN AN

NGUYỄN QUANG HUY



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	345.637.714.092	394.699.088.808
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		345.637.714.092	394.699.088.808
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	308.780.185.700	360.904.381.080
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		36.857.528.392	33.794.707.728
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	8.631.010.269	11.369.791.786
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	6.703.615.330	8.574.896.989
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.703.615.330	8.574.896.989
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	16.011.654.305	20.872.830.578
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.773.269.026	15.716.771.947
31	11. Thu nhập khác	VI.06	15.605.497	113.874.503
32	12. Chi phí khác	VI.07	3.802.680.733	849.457.552
40	13. Lợi nhuận khác		(3.787.075.236)	(735.583.049)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.986.193.790	14.981.188.898
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	2.473.947.351	1.806.732.249
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.512.246.439	13.174.456.649

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

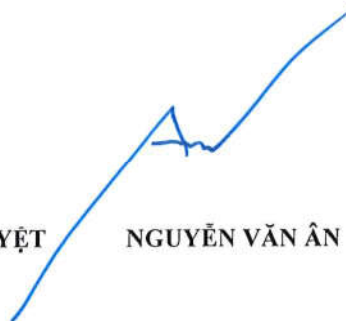
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



NGUYỄN VĂN ÂN




NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.986.193.790	14.981.188.898
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		8.172.179.853	12.625.257.918
03	- Các khoản dự phòng		(1.261.690.343)	4.913.210.945
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.631.010.269)	(11.369.791.786)
06	- Chi phí lãi vay		6.703.615.330	8.574.896.989
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.969.288.361	29.724.762.964
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(174.893.954.384)	136.599.678.252
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.044.173.507)	18.534.051.988
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)		(93.433.392.661)	(199.291.107.189)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.766.639.435	4.941.785.312
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.703.615.330)	(8.376.483.642)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.225.002.871)	(4.375.526.108)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		613.414.505	(10.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(277.950.796.452)	(22.252.838.423)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(886.594.267)	(111.059.289)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		38.477.737.480	1.546.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.127.480.016)	(26.212.290.200)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(32.000.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		28.700.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.631.010.269	11.369.791.786
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		28.794.673.466	(13.407.194.067)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát			
33	3. Tiền thu từ đi vay		512.489.629.997	186.434.662.642
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(246.718.305.793)	(195.615.392.964)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.288.281.600)	(2.774.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		255.483.042.604	(11.955.480.322)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.326.919.618	(47.615.512.812)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.157.627.456	50.773.140.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		9.484.547.074	3.157.627.456

Ghi chú: Thông tin trình bày bổ sung các giao dịch góp vốn của chủ sở hữu không ảnh hưởng đến dòng tiền góp vốn trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm.

Trong năm 2019, theo biên bản số 03/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 2 ngày 01/11/2019, Nghị quyết hội đồng quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 về việc phát hành tăng vốn chào bán riêng lẻ để thanh toán các khoản nợ phải trả cho các hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần từ các nhà đầu tư tại các doanh nghiệp dự án (xem Thuyết minh số V.02 đính kèm). Theo đó các khoản nợ phải trả này được chấp thuận chuyển đổi thành vốn góp.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **2.270.090.900.000** VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cỏ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	: 03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	: 03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	63,40%		63,40%	
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh-Phường Tân Định-Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	60,12%		60,12%	
Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	99,47%		99,47%	

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	46,01%		50,00%	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	22,17%		22,17%	

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 9 ngày 02/12/2019, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019: 1.293.836.000.000 VNĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐT/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm Cổ Mã và đường dẫn, hầm Đèo Cả, hầm Hải Vân, hầm Cù Mông tại tỉnh Phú Yên

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019: 1.520.500.000.000 VNĐ

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 7 ngày 28/06/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019: 273.786.000.000 VNĐ

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 02 tháng 11 năm 2019

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: 61.500.000.000 VNĐ

(2) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 11 năm 2015, Giấy phép thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 02 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019: 305.000.000.000 VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

(3) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019: 424.000.000.000 VND

Tại ngày 31/12/2019 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoá, Phú Yên.
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Phước Trượng - Phú Gia	Thôn Trung Phước Trượng, Xã Lộc Trì, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.



11/2/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

7 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh



II
P
T
O
I
II

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

12 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.



11/11/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



11/01/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

16 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

17 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

21 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

22 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	133.948.434	221.261.431
- VND	133.948.434	221.261.431
Tiền gửi không kỳ hạn	3.350.598.640	2.936.366.025
- Tiền gửi (VND)	3.350.598.640	2.936.366.025
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	
Cộng	<u><u>9.484.547.074</u></u>	<u><u>3.157.627.456</u></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- b1) Ngắn hạn
b2) Dài hạn
- Trái phiếu (*)

Cộng

- c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con (*)

- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả
- Công ty Cổ phần Phước Thuận Phú Gia BOT

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Đầu tư vào đơn vị khác

- Công ty Cổ Phần Đầu Tư UDIC

Cộng

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

	31/12/2019	01/01/2019	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá hợp lý
Đầu tư vào công ty con (*)	2.006.715.900.000		
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	820.303.650.000		
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	914.081.250.000		
- Công ty Cổ phần Phước Thuận Phú Gia BOT	272.331.000.000		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	229.500.000.000		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000		13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000		
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	94.000.000.000		
Đầu tư vào đơn vị khác			
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư UDIC			77.783.120.000
Cộng	2.236.215.900.000		91.283.120.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: (*)

- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2019/CNCP-DII ngày 29/8/2019 và hợp đồng số 07/2019/CNCP-DII ngày 26/9/2019
- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP Đầu Tư Đèo cá trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/CNCP-DII Ngày 27/8/2019
- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2019/CNCP-DII ngày 27/8/2019 và Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2019/CNCP-DII ngày 27/08/2019.
- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP Đầu Tư BOT Đèo cá Khánh Hòa trở thành công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2019/CNCP-DII ngày 27/8/2019.
- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị trở thành công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 06/2019/CNCP-DII ngày 29/08/2019.
- Từ ngày 26/06/2019, Công ty CP Đầu Tư UDIC thoái vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng số 2606/2019/CNCP-UDIC ngày 26/6/2019.
: Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.
- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	11.035.892.482	129.780.042.432	12.415.723.784	41.912.189.793
Bên khác	11.035.892.482	21.394.849.370	12.415.723.784	30.918.183.962
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch		2.153.072.558		12.869.579.304
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long		1.329.954.199		862.862.199
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		5.082.418.376	1.524.725.513	5.082.418.376
Công ty cổ phần 484(CNBĐ)	146.052.109	146.052.109	146.052.109	146.052.109
Chi Cục Quản Lý Đường Bộ III.1		171.676.943		40.000.000
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty CP XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty TNHH MTV kiểm định KTA T đầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	247.800.000	354.000.000
Công ty CP TM Kim Khí Hùng Kim				153.626.583
Công ty CP XD Cầu đường 19-(CTLD XD 5 ống cống Đák Hà)	356.880.000	356.880.000	356.880.000	356.880.000
Công ty CP XD Cầu đường 19 -(CT LD XD ĐB 5 -thuê trạm trộn)	402.079.364	402.079.364	402.079.364	402.079.364
Công ty CP XD Cầu đường 19-(Xí nghiệp 52 CT LD XD ĐB 5)	341.358.000	341.358.000	341.358.000	341.358.000
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	74.999.940	249.999.800
Công ty CP Đầu tư XD Thương Mại Tân Hoàng Long		328.150.000		
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại và Dịch Vụ Thành Lộc		207.991.080	103.995.541	207.991.080
Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Đèo Cà 368		723.699.650		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
Bên khác				
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Đối tượng khác	534.008.070	896.002.152	566.318.178	1.199.822.008
Bên liên quan		108.385.193.062		10.994.005.831
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn		2.385.556.925		1.912.835.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa		97.994.937.849		1.418.017.671
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả		2.029.564.152		4.353.194.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z		1.135.834.286		3.309.959.160
Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam		4.839.299.850		
Công Ty Cổ Phần Phước Thuận Phú Gia BOT				
b) Dài hạn	11.035.892.482	129.780.042.432	12.415.723.784	41.912.189.793
Cộng				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng	Gia trị
a) Ngắn hạn	1.245.951.913	2.682.715.879	650.894.794	2.574.133.995
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	108.000.000	180.000.000	54.000.000	180.000.000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	336.785.550	673.571.100
Công ty CP Pacific Dinco	20.300.000	20.300.000	6.090.000	20.300.000
Công Ty Cổ Phần Tổ Chức Sự Kiện Và Du Lịch Gala Việt		152.273.000		
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30.000.000	30.000.000		30.000.000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181.774.313	181.774.313	54.532.294	181.774.313
Công ty TNHH thăm định giá và đại lý thuế Việt Nam	150.000.000	132.289.000	150.000.000	150.000.000
Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu	2.475.000	2.475.000	1.237.500	2.475.000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2.331.500	2.331.500	699.450	2.331.500
Công ty CP Phúc Lộc Viên	44.000.000	44.000.000	30.800.000	44.000.000
Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	2.500.000	2.500.000	1.250.000	2.500.000
Lê Văn Luật	6.000.000	6.000.000	3.000.000	6.000.000
Trần Văn Tuyền	25.000.000	25.000.000	12.500.000	25.000.000
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng		264.201.966		1.256.182.082
Đối tượng khác				
b) Dài hạn				
Cộng	1.245.951.913	2.682.715.879	650.894.794	2.574.133.995

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2019		01/01/2019	
a) Ngắn hạn				
Công ty cổ phần Đầu tư UDIC				339.770.216
b) Dài hạn				
Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hải Thạch				13.787.709.800
Cộng				14.127.480.016



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
06 . PHẢI THU KHÁC				
a) Ngân hạn	303.396.158.342	1.032.556.836	41.196.084.145	1.509.472.996
Tạm ứng	1.919.342.146	159.523.000	2.667.149.240	653.283.583
Ký cược, ký quỹ	100.000.000		117.720.460	
Phải thu khác	301.376.816.196	873.033.836	38.411.214.445	856.189.413
Bên Khác	1.011.471.414	873.033.836	2.109.071.623	856.189.413
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	21.520.587		732.137.818	
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư UDIC			450.000.000	
+ Phạm Đình Nam	3.817.479	3.817.479	3.817.479	2.672.235
+ Đoit tương khác	148.315.348	31.398.357	85.298.326	15.699.178
Bên liên quan	300.365.344.782		36.302.142.822	
+ Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Hà Thành	49.083.120.000			
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiền bảo hành công trình)	36.482.224.782		36.302.142.822	
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả (đặt cọc góp vốn)	173.300.000.000			
+ Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	41.500.000.000			
b) Dài hạn			96.640.000	
Phải thu khác			96.640.000	
Cộng	303.396.158.342	1.032.556.836	41.292.724.145	1.509.472.996

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÁ

27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

07 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.623.660.494	1.309.259.263	16.004.788.911	1.428.697.337
+ Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529		5.159.490.529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533		3.399.652.533	
+ Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100		673.571.100	336.785.550
+ Đối tượng khác	5.390.946.332	1.309.259.263	6.772.074.749	1.091.911.787
- Phải thu về cho vay				
Cộng	14.623.660.494	1.309.259.263	16.004.788.911	1.428.697.337

08 . HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Thành phẩm

Cộng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	6.093.935.832		7.110.962.207	
	339.973.771		353.401.340	
	99.696.687.294		68.622.059.843	
Cộng	106.130.596.897		76.086.423.390	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

09 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

- Xây dựng cơ bản dở dang
- Xây dựng cơ bản

Cộng

	31/12/2019	01/01/2019
	497.762.553	19.574.271
Cộng	497.762.553	19.574.271



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

10 TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	47.577.016.606	60.047.415.061	61.069.179.942	4.293.391.505		172.987.003.114
2. Số tăng trong năm		52.500.000				52.500.000
- Mua trong năm		52.500.000				52.500.000
3. Số giảm trong năm	2.762.281.153	35.921.998.613	8.634.242.192	43.940.000		47.362.461.958
- Thanh lý, nhượng bán	2.762.281.153	35.921.998.613	8.634.242.192	43.940.000		47.362.461.958
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	44.814.735.453	24.177.916.448	52.434.937.750	4.249.451.505		125.677.041.156
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	12.818.417.710	19.298.057.998	41.662.859.366	1.672.303.282		75.451.638.356
2. Khấu hao trong năm	2.036.825.207	3.320.279.713	3.301.011.195	602.392.020		9.260.508.135
- Khấu hao trong năm	2.036.825.207	3.320.279.713	3.301.011.195	602.392.020		9.260.508.135
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm	383.650.125	6.797.923.645	2.799.685.582	16.442.066		9.997.701.418
- Thanh lý, nhượng bán	383.650.125	6.797.923.645	2.799.685.582	16.442.066		9.997.701.418
4. Số dư cuối năm	14.471.592.792	15.820.414.066	42.164.184.979	2.258.253.236		74.714.445.073
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	34.758.598.896	40.749.357.063	19.406.320.576	2.621.088.223		97.535.364.758
2. Tại ngày cuối năm	30.343.142.661	8.357.502.382	10.270.752.771	1.991.198.269		50.962.596.083

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 5.308.270.489 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.736.996.017 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Năm 2019

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	618.292.634			45.000.000		663.292.634	
2. Số tăng trong năm							
- Mua trong năm							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	618.292.634			45.000.000		663.292.634	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	25.797.961			45.000.000		70.797.961	
2. Khấu hao trong năm	12.881.088					12.881.088	
- Khấu hao trong năm	12.881.088					12.881.088	
- Tặng khác							
3. Giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
4. Số dư cuối năm	38.679.049			45.000.000		83.679.049	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	592.494.673					592.494.673	
2. Tại ngày cuối năm	579.613.585					579.613.585	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 45.000.000 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2019	01/01/2019
12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
a) Ngắn hạn	694.251.927	663.934.353
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.324.406	215.019.096
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	542.927.521	448.915.257
Các khoản khác		
b) Dài hạn	2.045.687.669	5.842.644.678
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	282.028.143	2.241.031.419
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	23.851.740	1.899.025.899
Các khoản khác	1.010.287.365	805.317.302
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	729.520.421	897.270.058
Cộng	2.739.939.596	6.506.579.031

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Trong năm			Số có khả năng trả nợ
	31/12/2019	Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn - VND	134.806.331.880	251.689.629.997	220.966.416.915	104.083.118.798
Bên khác :	132.806.331.880	217.689.629.997	188.966.416.915	104.083.118.798
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	128.948.442.820	217.689.629.997	188.566.551.041	99.825.363.864
- Cán bộ, công nhân viên	3.857.889.060		399.865.874	4.257.754.934
Bên liên quan :	2.000.000.000	34.000.000.000	32.000.000.000	
- Công ty CP tập đoàn Đèo cá		32.000.000.000	32.000.000.000	
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng AZZ	2.000.000.000	2.000.000.000		
Cộng	134.806.331.880	251.689.629.997	220.966.416.915	104.083.118.798

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
b) Vay dài hạn				
Trên 1 năm đến 5 năm	239.858.333.334	239.858.333.334	260.800.000.000	25.751.888.878
Vay khác	2.058.333.334	2.058.333.334		2.751.888.878
- Vay dài hạn mua 3 chung cư	2.058.333.334	2.058.333.334		1.299.999.986
- Vay mua xe ô tô			260.800.000.000	1.451.888.892
Vay bên liên quan:				
- Công ty CP tập đoàn Đèo Cả	237.800.000.000	237.800.000.000	260.800.000.000	23.000.000.000
	237.800.000.000	237.800.000.000	260.800.000.000	23.000.000.000
Cộng	239.858.333.334	239.858.333.334	260.800.000.000	25.751.888.878

Ghi chú: Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2019 như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HỆTD số 01/2019-HDCVHM/NHCT48 0-DII ngày 05/09/2019	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2020	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe oto, GCNQSD nhà tại căn hộ Plaza, GCNQSD đất tại 27 Bùi Chát
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HỆTD số 02/2019-HDCVHM/NHCT48 0-DII ngày 05/09/2019	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2020	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Cán bộ Công nhân viên	Khoản vay từ giai đoạn cổ phần hóa	3.857.889.060	12 tháng	Theo lãi tiền gửi Ngân hàng	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả	Hợp đồng ký theo từng lần vay	700.000.000.000	24 tháng kể từ ngày chuyển tiền	4,5%/năm	Vay đầu tư và Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng A2Z	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-A2Z ngày 30/7/2019	2.000.000.000	12 tháng	4,5%/năm	Vay đầu tư và Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tin chấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN				
a) Ngán hạn	104.254.218.959	104.254.218.959	52.118.095.808	52.118.095.808
<i>Bên khác</i>	<i>100.589.897.321</i>	<i>100.589.897.321</i>	<i>46.651.715.432</i>	<i>46.651.715.432</i>
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ hậu cần Thăng Long - Đèo cả	6.959.950.800	6.959.950.800	6.529.153.672	6.529.153.672
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Tiến - Đà Nẵng	1.707.015.145	1.707.015.145	468.083.001	468.083.001
Công ty TNHH MTV xây dựng 99	1.556.765.000	1.556.765.000	5.595.922.661	5.595.922.661
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	88.307.200	88.307.200	252.690.000	252.690.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đường Việt	379.355.000	379.355.000	88.307.200	88.307.200
Nguyễn Văn Dung			379.355.000	379.355.000
Công ty CP nền móng Đua Fat	9.995.700.000	9.995.700.000	2.035.138.770	2.035.138.770
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng Ảnh Lộc	11.867.731.900	11.867.731.900		
Công ty CP XDTN điện & trang trí nội thất EMTC3	6.542.230.000	6.542.230.000		
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	9.842.852.000	9.842.852.000		
Công ty TNHH kỹ thuật kiểm định hiệu chỉnh Toàn Cầu	3.375.133.010	3.375.133.010		
Công ty CP xây dựng Đại Thành	2.078.619.884	2.078.619.884		
Công ty xăng dầu Tiên Giang	46.196.237.382	46.196.237.382		
Đối tượng khác	3.664.321.638	3.664.321.638	31.303.065.128	31.303.065.128
Bên liên quan			5.466.380.376	5.466.380.376
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	779.553.495	779.553.495	194.171.000	194.171.000
Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	2.884.768.143	2.884.768.143	5.272.209.376	5.272.209.376
b) Dài hạn				
Cộng	104.254.218.959	104.254.218.959	52.118.095.808	52.118.095.808
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số đầu năm	Phải trả	Số đầu năm	Phải trả
15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC				
a) Ngắn hạn				
<i>Bên khác</i>				
Công ty xăng dầu Bình Định			514.441.772	
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ hậu cần Thăng Long - Đèo cá			1.495.821.371	
Công ty CP XD công trình Ngâm			484.752.867	
Đối tượng khác			225.000.000	
Công ty CP XD và TM Nhật Thành			3.000.000.000	
Công ty xăng dầu khu vực V			2.475.005.925	
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô			2.587.489.000	
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng			416.445.904	
<i>Bên liên quan</i>			267.496.000	
Công ty Cổ phần Dầu tư BOT Đèo Cà Khánh Hòa			148.949.904	
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cá			25.758.487.694	
Công ty cổ phần Dầu tư Đèo Cà			1.206.476.157	
b) Dài hạn				
Cộng			34.747.474.786	
16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
	Phải thu	Phải trả	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.046.732.249	2.473.947.351	1.225.002.871
Thuế thu nhập cá nhân		42.880.520	252.300.602	214.813.634
Thuế GTGT		7.694.097.463	11.510.770.509	15.569.147.781
Thuế tài nguyên			613.542.102	613.542.102
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			969.442.720	969.442.720
Thuế khác			121.112.722	121.112.722
Cộng		8.783.710.232	15.941.116.006	18.713.061.830
				Phải trả
				2.295.676.729
				80.367.488
				3.635.720.191

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

Trích trước chi phí vận hành Hầm
Trích trước lãi vay
Các khoản khác

31/12/2019	01/01/2019
17.031.908.192	38.559.844.565
17.031.908.192	36.824.914.395
	902.165.445
	832.764.725

b) Dài hạn

Cộng

17.031.908.192	38.559.844.565
-----------------------	-----------------------

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

Kinh phí công đoàn
Bảo hiểm xã hội
Bảo hiểm y tế
Bảo hiểm thất nghiệp
Quỹ ủng hộ
Tạm ứng (số dư có 141)
Các khoản phải trả, phải nộp khác
Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh
Lãi huy động vốn CBCNV
Đối tượng khác

31/12/2019	01/01/2019
9.717.695.417	7.377.910.273
481.522.385	382.306.912
	13.893.101
620.533.926	397.160.222
145.529.018	90.445.665
8.470.110.088	6.494.104.373
1.650.429.936	1.650.429.936
943.746.484	
5.875.933.668	4.843.674.437

b) Dài hạn

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
Cộng

9.717.695.417	7.377.910.273
----------------------	----------------------

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	49.375.000.000	(289.680.000)	641.827.257	12.455.758.472	62.182.905.729
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000				30.000.000.000
Lãi trong năm trước				13.174.456.649	13.174.456.649
Tăng do trích lập từ lợi nhuận					
Tăng khác				205.568.086	205.568.086
Giảm vốn trong năm trước			1.240.824.122	(2.481.648.244)	(1.240.824.122)
Trích quỹ từ lợi nhuận					
Lỗ trong năm trước					
Chia cổ tức					
Giảm khác				(2.774.750.000)	(2.774.750.000)
Số dư cuối năm trước	79.375.000.000	(289.680.000)	1.882.651.379	20.579.384.963	101.547.356.342
Số dư đầu năm này	79.375.000.000	(289.680.000)	1.882.651.379	20.579.384.963	101.547.356.342
Tăng vốn trong năm nay	2.190.715.900.000				2.190.715.900.000
Lãi trong năm nay				16.512.246.439	16.512.246.439
Tăng do trích từ lợi nhuận			1.317.445.664		1.317.445.664
Tăng khác					
Trích quỹ đầu tư phát triển				(1.317.445.664)	(1.317.445.664)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.317.445.664)	(1.317.445.664)
Chia cổ tức				(10.288.281.600)	(10.288.281.600)
Giảm khác		289.680.000		(289.680.000)	
Số dư cuối năm này	2.270.090.900.000		3.200.097.043	23.878.778.474	2.297.169.775.517



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	%	Năm trước	%
Vốn góp của công ty mẹ	37.892.550.000	1,67%	69.892.550.000	88,1%
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo cà (*)	37.892.550.000	1,67%	69.892.550.000	88,05%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.232.198.350.000	98,33%	9.482.450.000	11,95%
- Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,79%		
- Nguyễn Quốc Ánh	14.000.000.000	0,62%		
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	914.081.250.000	40,27%		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	882.303.650.000	38,87%		
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	122.000.000.000	5,37%		
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	108.331.000.000	4,77%		
- Công ty CP BOT Hưng Phát	164.000.000.000	7,22%		
- Vốn góp của các đối tượng khác	9.482.450.000	0,42%	9.482.450.000	11,95%
Cộng	2.270.090.900.000	100,00%	79.375.000.000	100,00%

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 2 ngày 01 tháng 11 năm 2019, đã thông qua biên bản số 03/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, Nghị quyết hội đồng quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 thông qua kế hoạch và phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và hoán đổi nợ cụ thể:

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 01/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 02/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Đầu tư Thương Mại Quốc Tế Hà Thành trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 03/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần BOT Hưng Phát trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 04/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 05/2019/HĐMBCP/DII

Mục đích của lần tăng vốn này là Công ty sẽ đầu tư vào các dự án công trình giao thông để gia tăng thị phần và doanh số mảng khai thác và vận hành công trình đường bộ. Việc phát hành cổ phần cho các chủ nợ giúp các chủ nợ của Công ty có thể chuyển đổi khoản vay thành khoản đầu tư bằng cách sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo cà và gắn bó lâu dài với Công ty.

Công văn số 7352/UBCK-QLCB Ngày 06/12/2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của DII

Ngày 16/12/2019 Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo cà đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 24 với tổng số vốn điều lệ là 2.270.090.900.000 đồng

(*) Tại ngày 16/12/2019 Công ty CP Tập Đoàn Đèo cà trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cà thông qua với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,67%	1,67%
- Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cà	1,67%	1,67%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	71,08%	91,13%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	35,26%	40,27%
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	24,21%	38,87%
- Công ty CP Đầu tư TM Quốc tế Hà Thành	4,75%	4,77%
- Công ty CP BOT Hưng Phát	6,86%	7,22%
Cộng	72,74%	92,80%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	79.375.000.000	49.375.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	2.190.715.900.000	30.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.270.090.900.000	79.375.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.288.281.600	2.774.750.000

19 . 4. Cổ phiếu

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	227.009.090	7.937.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		



11.01.2020 11.01.2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	345.637.714.092	394.699.088.808
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	222.670.410.625	194.719.934.690
Doanh thu hoạt động xây lắp	77.562.194.554	150.480.675.378
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	20.703.813.635	21.274.175.001
Doanh thu kinh doanh bất động sản	599.435.000	1.307.858.182
Doanh thu khác	24.101.860.278	26.916.445.557
Cộng	345.637.714.092	394.699.088.808

<i>Trong đó doanh thu bên liên quan :</i>	<i>313.823.262.981</i>	<i>366.823.153.700</i>
<i>Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường</i>	<i>220.079.872.443</i>	<i>193.194.340.145</i>
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>77.562.194.554</i>	<i>150.313.459.014</i>
<i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>599.435.000</i>	<i>1.307.858.182</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>15.581.760.984</i>	<i>22.007.496.359</i>

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	210.474.928.166	332.204.423.671
+Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	191.090.774.821	315.201.417.610
+Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.384.153.345	17.003.006.061
Giá vốn xây dựng	79.148.361.430	
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	614.902.607	1.608.715.565
Giá vốn khác	18.541.993.497	27.091.241.844
Cộng	308.780.185.700	360.904.381.080

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	653.023.440	1.750.462.212
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.977.986.829	9.619.329.574
Lãi chênh lệch tỷ giá		
Cộng	8.631.010.269	11.369.791.786

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2019	01/01/2019
Lãi tiền vay	6.703.615.330	8.574.896.989
Cộng	6.703.615.330	8.574.896.989

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

05 . 1. Chi phí bán hàng

05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu	25.344.372	
Chi phí công cụ, dụng cụ	354.448.889	552.808.475
Chi phí nhân công	8.292.896.492	7.765.137.215
Chi phí khấu hao	1.536.314.555	1.563.719.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.254.527	2.673.083.528
Thuế, phí, lệ phí	4.020.000	9.000.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	947.953.152	3.151.664.718
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.209.643.495)	
Các khoản chi phí QLDN khác	5.535.065.813	5.157.416.787

Cộng

16.011.654.305

20.872.830.578

06 . THU NHẬP KHÁC

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Các khoản khác

Cộng

Năm nay

Năm trước

106.472.751

15.605.497

7.401.752

15.605.497

113.874.503

07 . CHI PHÍ KHÁC

Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý,
nhượng bán TSCĐ

Các khoản bị phạt

Các khoản khác

Cộng

Năm nay

Năm trước

3.421.619.485

372.810.783

758.254.875

8.250.465

91.202.677

3.802.680.733

849.457.552

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Năm nay

Năm trước

98.877.296.461

100.880.692.912

155.478.279.887

150.559.682.992

7.732.699.660

12.625.257.919

57.342.116.192

75.119.163.576

7.604.037.294

4.132.596.875

327.034.429.494

343.317.394.274



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.295.676.729	1.660.252.757
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	178.270.622	146.479.492
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.473.947.351	1.806.732.249

10 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	306.000.000	364.000.000
Tiền lương	1.203.555.184	889.323.718

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	512.489.629.997	186.434.662.642

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	246.718.305.793	195.615.392.964

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm trước	Khác	Dịch vụ	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm, đường	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.916.445.557	21.274.175.001	1.307.858.182	194.719.934.690	150.480.675.378	394.699.088.808
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.916.445.557	21.274.175.001	1.307.858.182	194.719.934.690	150.480.675.378	394.699.088.808
Kết quả kinh doanh theo bộ phận						33.794.707.728
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(20.872.830.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						12.921.877.150
Doanh thu hoạt động tài chính						11.369.791.786
Chi phí tài chính						(8.574.896.989)
Thu nhập khác						113.874.503
Chi phí khác						(849.457.552)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(1.806.732.249)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						13.174.456.649

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

111.059.289

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

21.513.249.758



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Khác	Dịch vụ	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng hầm, đường	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.101.860.278	20.703.813.635	599.435.000	222.670.410.625	77.562.194.554	345.637.714.092
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.101.860.278	20.703.813.635	599.435.000	222.670.410.625	77.562.194.554	345.637.714.092
Kết quả kinh doanh theo bộ phận						36.857.528.392
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(16.011.654.305)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						20.845.874.087
Doanh thu hoạt động tài chính						8.631.010.269
Chi phí tài chính						(6.703.615.330)
Thu nhập khác						15.605.497
Chi phí khác						(3.802.680.733)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(2.473.947.351)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						16.512.246.439
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						886.594.267
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						9.273.389.223



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.484.547.074		3.157.627.456	
Phải thu khách hàng	129.780.042.432	11.035.892.482	41.912.189.793	12.415.723.784
Trả trước cho người bán	2.682.715.879	1.245.951.913	2.574.133.995	650.894.794
Các khoản phải thu khác	303.396.158.342	1.032.556.836	41.292.724.145	1.509.472.996
Đầu tư tài chính dài hạn	2.238.215.900.000		91.283.120.000	2.238.215.900.000
Cộng	2.683.559.363.727	13.314.401.231	180.219.795.389	14.576.091.574
			2.670.244.962.496	165.643.703.815

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải trả cho người bán	104.254.218.959		52.118.095.808	
Người mua trả tiền trước	13.671.606.067		34.747.477.786	
Vay và nợ	374.664.665.214		108.893.341.010	
Phải trả người lao động	7.522.165.361		7.985.629.368	
Các khoản phải trả khác	9.717.695.417		7.377.910.273	
Cộng	509.830.351.018		211.122.454.245	
			509.830.351.018	211.122.454.245

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	104.254.218.959			104.254.218.959
Người mua trả tiền trước	13.671.606.067			13.671.606.067
Vay và nợ	134.806.331.880	239.858.333.334		374.664.665.214
Chi phí phải trả	17.031.908.192			17.031.908.192
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.717.695.417			9.717.695.417
Cộng	279.481.760.515	239.858.333.334		519.340.093.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Trong năm Công ty phát hiện các sai sót tại ngày lập Báo cáo tài chính năm 2018 và thực hiện điều chỉnh lại các ảnh hưởng tới chỉ tiêu đầu kỳ của Báo cáo tài chính 2019 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh 31/12/2018	Sau điều chỉnh 31/12/2018	Chênh lệch
TÀI SẢN					
1.	Phải thu ngắn hạn khác	216		96.640.000	96.640.000
NGUỒN VỐN					
2.	Cổ phiếu quỹ (*)	415	(96.640.000)		96.640.000

Nguyên nhân chênh lệch điều chỉnh số đầu năm:

(1),(2), Tăng chỉ tiêu "Phải thu khác" mã số 216 số tiền 96.640.000 đồng, giảm chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" mã số 415 số tiền 96.640.000 đồng do Công ty mới chỉ tạm ứng cho nhân viên nghỉ việc để mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên này nhưng chưa thực hiện sang tên cổ phiếu cho Công ty.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch (VND)</u>
+ Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	- Mua cổ phần	18.000.000.000

- Thu nhập của hội đồng quản trị và Ban giám đốc, Ban kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	306.000.000	364.000.000
Tiền lương	1.203.555.184	889.323.718

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	Cổ đông
- Công ty CP BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn
- Công ty CP tư vấn XD A2Z	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Năm
- Công Ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng



01 / 01
3 / 3
LÀ
H
C
T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty con	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	63,40%	63,40%	(55.074.136.316)	(55.074.136.316)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	60,12%	60,12%	(243.615.185.034)	(539.224.408.168)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	(21.984.406.061)	(21.984.406.061)
- Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	2.156.944.213	7.989.711.819
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	46,01%	50,00%	51.077.860.290	58.095.454.485
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	22,17%	22,17%	6.911.563	6.911.563

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Công ty con	Công ty con	Đặt cọc góp vốn	41.500.000.000
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng đường bộ	10.149.888.181
		Đầu tư dài hạn	820.303.650.000
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa Công ty liên kết	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng đường bộ	7.425.319.091
		Đầu tư dài hạn	122.000.000.000
+ Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị Công ty liên kết	Công ty liên kết	Đầu tư dài hạn	94.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Doanh thu xây lắp	48.518.620.911	
		Doanh thu duy tu, QL VH hầm	197.677.730.908	
		Doanh thu cho thuê nhà chung cư	599.435.000	
		Doanh thu dịch vụ	1.614.794.546	
		Đặt cọc góp vốn	173.300.000.000	
		Đầu tư dài hạn	914.081.250.000	
+ Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm đường bộ	4.826.934.263	
		Doanh thu xây lắp	3.430.140.000	
		Doanh thu khác	129.090.909	
		Ứng trước cổ tức	7.977.986.829	
		Đầu tư dài hạn	272.331.000.000	
			3.636.363.635	
+ Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê	- Doanh thu cho thuê tài sản	284.750.733
		Doanh thu cho thuê	- Doanh thu cho thuê thiết bị, văn phòng	10.239.090
		Doanh thu nước uống	- Doanh thu nước uống đóng chai	34.979.761.344
		Doanh thu bán tài sản	- Doanh thu bán tài sản	11.571.127.006
		Chi phí mua vật tư t	- Doanh thu bán vật tư đá các loại	25.613.433.643
		Doanh thu xây lắp		2.627.730.907
		Doanh thu sản xuất neo		2.604.887.068
		Doanh thu khác(sản phẩm cơ khí,...)		583.469.495
		Chi phí vé máy bay		924.000.000
		Chi phí cung cấp CNTT		271.800.000.000
		Cho Công ty Vay tiền		1.939.993.151
		Tiền lãi vay		894.863.014
Thanh toán tiền lãi vay		55.000.000.000		
Trả nợ gốc vay				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty cổ phần đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	914.081.250.000
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	882.303.650.000
+ Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	122.000.000.000
+ Công ty CP ĐT TM Quốc Tế Hà Thành	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	108.331.000.000
+ Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn	Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty UDIC cho Cty Hà Thành	77.783.120.000
+ Công ty CP tư vấn XD A2Z	Cổ đông lớn	Thanh toán tiền mua cổ phần của Cty UDIC	28.700.000.000
		Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	164.000.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.673.904.096
	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Năm	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000
		Tiền lãi	38.219.178

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu QL.VH hầm, duy tu	107.286.085.998	51.109.542.499
		Phải thu thi công công trình	(44.717.319)	(42.410.211.326)
		Phải thu nhà chung cư	9.603	(659.368.897)
		Phải thu khác	965.066.667	965.068.667
		Ứng trước công trình	(10.211.507.100)	(10.211.507.100)
		Tổng cộng	97.994.937.849	(1.206.476.157)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

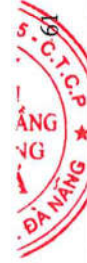
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Phải thu hoạt động duy tu bảo dưỡng đường	2.385.556.925	
+ Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu thi công công trình	3.873.144.500	
+ Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, (966.155.350	3.309.959.160
		Tổng cộng	4.839.299.850	3.309.959.160
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu	1.135.834.286	4.353.194.000
		Tổng cộng	1.135.834.286	4.353.194.000
+ Công ty CP Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, ((267.496.000)	1.912.835.000
+ Công ty CP tư vấn XD A2Z	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Năm	Phải thu	(148.949.904)	(25.758.487.694)
		Phải thu cho thuê xe	373.204.252	1.418.017.671
		Phải thu cho thuê nhà	478.800.000	
		Phải thu cung cấp dịch vụ	1.177.559.900	
		Tổng cộng	2.029.564.152	1.418.017.671



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Các khoản phải thu khác bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn	41.500.000.000	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Tiền bảo hành các công trình	36.482.224.782	36.302.142.822
+ Công ty CP ĐT TM Quốc tế Hà Thành	Cổ đồng lớn	Đặt cọc tiền góp vốn	173.300.000.000	
		Phải thu tiền bán cổ phần Cty UDIC	49.083.120.000	
- Các khoản phải trả bên liên quan:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2019	01/01/2019
+ Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	2.884.768.143	5.272.209.376
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải trả	779.553.495	194.171.000

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2019	01/01/19
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền	237.800.000.000	
		Tiền lãi vay	1.939.993.151	894.863.014
+ Công ty CP tư vấn XD A2Z	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Năm	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	
		Tiền lãi vay	38.219.178	

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và quy định pháp lý có liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 79



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **2.270.090.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cỏ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: 03 Công ty

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Vốn đầu tư (VND)</i>
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	63,40%	63,40%	820.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	60,12%	60,12%	914.081.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty

<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Vốn đầu tư (VND)</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	46,01%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	22,17%	22,17%	94.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Phước Tượng - Phú Gia	Thôn Trung Phước Tượng, Xã Lộc Trì, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5911720
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TƯ V
KẾ T
KIỂM TOÁN
VIỆT NAM
P. PHỐ C

01
Đ
P
T
O
Đ
/H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08-08-2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08-08-2019	
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Phó chủ tịch	05-05-2017	
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05-04-2019	
Ông: Đỗ Văn Nam	Chủ tịch	16-11-2017	08-08-2019
Ông: Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	
Ông: Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	17-06-2020
Ông: Lưu Bá Hợp	Thành viên	05-05-2017	05-04-2019
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21-07-2015	
Ông: Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập	26-09-2016	17-06-2020
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	12-08-2016	05-04-2019
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên	17-06-2020	
Ông: Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17-06-2020	
Ông: Trần Chùng	Thành viên	17-06-2020	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Tổng Giám đốc		10-01-2020
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	17-06-2020
Ông: Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng giám đốc	23-01-2017	17-04-2019
Ông: Võ Cảnh Tinh	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	14-11-2019
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	17-06-2020
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10-12-2020	
Ông: Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	08-05-2019	24-5-2019
Ông: Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	21-12-2020
Ông: Phạm Quốc Vượng	Phó Tổng giám đốc	24-05-2019	01-06-2020
Ông: Lê Hồng Vũ	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	01-09-2020
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	
Ông: Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14-01-2021	
Ông: Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	09-01-2020	30-03-2021
Bà: Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30-03-2021	
Ông: Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	15-10-2019	
Bà: Phạm Thị Huyền Trang	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	01-06-2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16-04-2018	
Ông: Phạm Lê Huy	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông: Lưu Tuấn Vũ	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông: Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17-06-2020	26-04-2021
Bà: Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17-06-2020	
Bà: Phan Thị Mai	Thành viên	27-04-2021	



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện theo pháp luật:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông: Nguyễn Xuân Hương	Tổng Giám đốc	20-10-2017	09-01-2020
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	

Kế toán trưởng:

Ông: An Văn Thiện		05-04-2019	17-06-2020
Ông: Nguyễn Văn Ân			05-04-2019
Ông: Nguyễn Văn Ân		17-06-2020	

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY



Số: 474/BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà, được lập ngày 02 tháng 07 năm 2021 từ trang 08 đến trang 79, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



11/12/2021

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế hoàn toàn cho báo cáo kiểm toán số 389/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 30/03/2020 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà theo văn bản yêu cầu số 257/2021/CVDII ngày 02/07/2021 của công ty về việc yêu cầu phát hành lại báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính 2019 đã phát hành. Báo cáo số 389/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 30/03/2020 không còn giá trị, việc sử dụng báo cáo kiểm toán số 389/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 30/03/2020 dưới bất kỳ hình thức nào sẽ thuộc trách nhiệm của đơn vị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2021
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

ĐÌNH THẾ ĐƯỜNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0342-2018-142-1

Kiểm toán viên

ĐẶNG TÙNG HÙNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.030.904.877.639	151.354.071.774
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	812.490.759.442	3.157.627.456
111	1. Tiền		60.401.269.340	3.157.627.456
112	2. Các khoản tương đương tiền		752.089.490.102	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		896.102.136.303	71.446.086.575
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	42.930.027.808	41.912.189.793
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	513.334.233.860	2.574.133.995
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05		339.770.216
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	353.152.275.866	41.196.084.145
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(13.314.401.231)	(14.576.091.574)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	107.261.206.011	76.086.423.390
141	1. Hàng tồn kho		107.261.206.011	76.086.423.390
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		215.050.775.883	663.934.353
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	21.082.750.219	663.934.353
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		192.288.843.378	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	1.679.182.286	
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

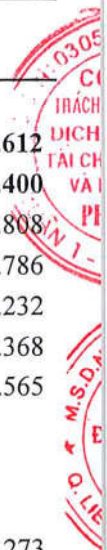
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.973.183.247.765	209.157.548.180
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		154.505.531.462	13.884.349.800
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	62.378.709.484	
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05		13.787.709.800
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.06	92.126.821.978	96.640.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		14.157.959.166.079	98.127.859.431
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10.	14.156.931.511.088	97.535.364.758
222	- Nguyên giá		15.127.648.414.415	172.987.003.114
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(970.716.903.327)	(75.451.638.356)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	1.027.654.991	592.494.673
228	- Nguyên giá		1.386.196.956	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(358.541.965)	(70.797.961)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.09	13.233.844.564.308	19.574.271
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.233.844.564.308	19.574.271
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	376.232.381.816	91.283.120.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		359.232.381.816	13.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			77.783.120.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17.000.000.000	
260	VI. Tài sản dài hạn khác		50.641.604.100	5.842.644.678
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	26.705.049.286	5.842.644.678
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại		23.936.554.814	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		30.004.088.125.404	360.511.619.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.020.524.440.921	258.964.263.612
310	I. Nợ ngắn hạn		2.688.827.818.299	254.154.041.400
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	1.097.329.726.551	52.118.095.808
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	13.671.606.067	34.747.474.786
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	7.984.147.146	8.783.710.232
314	4. Phải trả người lao động		12.777.915.177	7.985.629.368
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	179.052.776.706	38.559.844.565
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1.239.493.642.697	7.377.910.273
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	137.406.331.880	104.083.118.798
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.111.672.075	498.257.570
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		20.331.696.622.622	4.810.222.212
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	20.167.288.761.854	4.810.222.212
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		164.407.860.768	
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	6.983.563.684.483	101.547.356.342
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.530.638.916.999	101.547.356.342
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.270.090.900.000	79.375.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.270.090.900.000	79.375.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			(289.680.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		3.200.097.043	1.882.651.379
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		209.068.996.126	20.579.384.963
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.656.212.035	7.404.928.314
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		201.412.784.091	13.174.456.649
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.048.278.923.830	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.452.924.767.484	
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.452.924.767.484	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		30.004.088.125.404	360.511.619.954

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

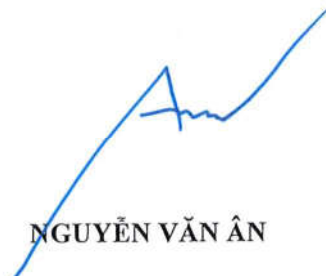
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu


NGUYỄN THIÊN HOÀNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÂN


NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	477.098.025.466	394.699.088.808
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		477.098.025.466	394.699.088.808
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	263.526.741.071	360.904.381.080
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.571.284.395	33.794.707.728
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	8.165.852.133	11.369.791.786
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	247.129.676.579	8.574.896.989
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		247.129.676.579	8.574.896.989
	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		5.909.835.033	
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	58.119.760.452	20.872.830.578
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(77.602.465.470)	15.716.771.947
31	11. Thu nhập khác	VI.06	240.378.303.926	113.874.503
32	12. Chi phí khác	VI.07	4.694.486.035	849.457.552
40	13. Lợi nhuận khác		235.683.817.891	(735.583.049)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		158.081.352.421	14.981.188.898
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	2.473.947.351	1.806.732.249
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.10	564.092.582	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		155.043.312.488	13.174.456.649
	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		201.106.184.909	13.174.456.649
	19. Lợi ích kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(46.062.872.421)	
	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	8.330	1.660
	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	8.330	1.660

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THIÊN HOÀNG



NGUYỄN VĂN ÂN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		158.081.352.421	14.981.188.898
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		47.436.904.975	12.625.257.918
03	- Các khoản dự phòng		(1.261.690.343)	4.913.210.945
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(248.544.156.059)	(11.369.791.786)
06	- Chi phí lãi vay		247.129.676.579	8.574.896.989
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		202.842.087.573	29.724.762.964
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		121.548.600.237	136.599.678.252
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.047.999.807)	18.534.051.988
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		117.824.769.943	(199.291.107.189)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.700.043.959	4.941.785.312
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(218.704.938.153)	(8.376.483.642)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.353.536.093)	(4.375.526.108)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(704.031.159)	(10.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		200.104.996.500	(22.252.838.423)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(784.896.775.618)	(111.059.289)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		38.477.737.480	1.546.363.636
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.127.480.016)	(26.212.290.200)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000.000	
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		28.700.000.000	
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.165.852.133	11.369.791.786
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(673.680.666.021)	(13.407.194.067)



100
ÔN
Ồ
TU
O
EX
IẾ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		1.682.709.750.359	186.434.662.642
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(389.512.667.252)	(195.615.392.964)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.288.281.600)	(2.774.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.282.908.801.507	(11.955.480.322)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		809.333.131.986	(47.615.512.812)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.157.627.456	50.773.140.268
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		812.490.759.442	3.157.627.456

Ghi chú: Thông tin trình bày bổ sung các giao dịch góp vốn của chủ sở hữu không ảnh hưởng đến dòng tiền góp vốn trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm.

Trong năm 2019, theo biên bản số 03/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 2 ngày 01/11/2019, Nghị quyết hội đồng quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 về việc phát hành tăng vốn chào bán riêng lẻ để thanh toán các khoản nợ phải trả cho các hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần từ các nhà đầu tư tại các doanh nghiệp dự án (xem Thuyết minh số V.02 đính kèm). Theo đó các khoản nợ phải trả này được chấp thuận chuyển đổi thành vốn góp.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THIÊN HOÀNG

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY

35011
CÔNG
NHẬN
H VU
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHÍA
I - T.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 10 tháng 01 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: **2.270.090.900.000**

VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cá, Cỏ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con : 03

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất : 03

+ Số lượng Công ty con không được hợp : 0



19
T
A
T
O
C
A
TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
1	Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	63,40%		63,40%	
2	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh-Phường Tân Định-Quận 1 - TP HCM	60,12%		60,12%	
3	Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	99,47%		99,47%	

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên	21,95%		21,95%	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	46,01%		50,00%	
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	22,17%		22,17%	

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 9 ngày 02/12/2019, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn (tiếp theo)

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000	VNĐ
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	1.645.470.000.000	VNĐ
+ <i>Vốn vay</i>	10.543.195.000.000	VNĐ
<i>Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án</i>		
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.		
<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019:</i>	1.293.836.000.000	VNĐ

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm Cổ Mã và đường dẫn, hầm Đèo Cả, hầm Cù Mông tại tỉnh Phú Yên Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612.000.000.000 đồng. Đến 31/12/2019 Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành quyết toán các Gói thầu còn lại và chi phí lãi vay tiếp tục được vốn hóa.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000	VNĐ
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	1.749.864.583.000	VNĐ
+ <i>Vốn khác</i>	1.438.432.378.000	VNĐ
+ <i>Vốn vay</i>	13.375.708.235.000	VNĐ
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>	5.048.002.979.000	VNĐ
<i>Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án</i>		
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.		
<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019:</i>	1.520.500.000.000	VNĐ

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 7 ngày 28/06/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT (tiếp theo)

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hàm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.172.000.000	VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	261.940.896.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	1.297.231.104.000	VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>		VND
<i>Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án</i>		
<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019:</i>	273.786.000.000	VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 02 tháng 11 năm 2019

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2019 là: 61.500.000.000 VND

2. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 11 năm 2015, Giấy phép thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 02 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	339.447.800.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	2.305.030.200.000	VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>		VND
<i>Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án</i>		
<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019:</i>	305.000.000.000	VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.



4. GP 5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

3. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000	VND
+ Vốn vay	6.994.000.000.000	VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VND
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2019:	424.000.000.000	VND
Tại ngày 31/12/2019 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.		

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Phước Tượng - Phú Gia	Thôn Trung Phước Tượng, Xã Lộc Trì, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

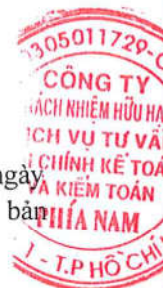
+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

+ Công ty con

Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán mua Công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả được phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.



0305011
CÔNG TRÁCH NHIỆM
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA BÊN
1 - T.P.H.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

+ Các khoản đầu tư vào công ty, liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát, chi phối hoạt động kinh doanh, nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của Công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết chỉ được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng với phần sở hữu của các bên

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.



01
G
H
H
H
C
TF

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, nhà đầu tư không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Sau khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong vốn chủ của công ty liên doanh, liên kết giảm xuống bằng không, nhà đầu tư chỉ phải ghi nhận thêm khoản lỗ hoặc nợ phải trả nếu nhà đầu tư có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết các khoản nợ mà nhà đầu tư đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, nhà đầu tư chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Phương pháp loại trừ các giao dịch với bên liên kết

Các giao dịch của Công ty liên kết với các Công ty con, Công ty mẹ sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích của Công ty mẹ trong các bên liên kết.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên giá tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT, BT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

01172
NG T
HIỆM HƯ
VỤ TƯ
NH KẾ
TỔM TO
A NAM
PHỐ

11/11/2019
Y/8/11
4
AN
V.G

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT, BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT, BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.”

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

8. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

10 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

11 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

12 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

14 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

15 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư cổ phần.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Doanh thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

- Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng

- Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

- Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

20 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

23 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

24 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.



UAC
C
C
UT
IAC
ĐỀ
/HIE

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



910
INC
PH
SH
TH
O

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Vào ngày 27/09/2019, Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2019/CNCP-DII và hợp đồng số 07/2019/CNCP-DII ngày 26/9/2019. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 62,47% quyền sở hữu trong Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn. Một doanh nghiệp dự án BOT với tổng giá phí mua là 788.303.650.000 đồng.

Nhằm xác định Giá trị hợp lý tài sản thuần tại ngày mua, theo đó Giá trị tài sản thuần tại ngày mua này được dựa trên kết quả chứng thư thẩm định giá số Số: 2210-3/2019/CT-VTA/CP về việc đánh giá tài sản thuần của Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn tại ngày 30/09/2019.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Công ty mẹ tại ngày mua như sau:

Tài sản	Giá trị ghi sổ tại ngày mua (VNĐ)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua (VNĐ)	Chênh lệch tài sản thuần (VNĐ)
Tiền và các khoản tương đương tiền	589.504.307.921	589.504.307.921	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	62.783.275.287	62.783.275.287	
Tài sản ngắn hạn khác	123.429.047.443	123.429.047.443	
Các khoản phải thu dài hạn	82.701.960.765	82.701.960.765	
Tài sản cố định	1.093.481.135.708	1.165.703.924.136	72.222.788.428
Tài sản dở dang dài hạn	8.014.858.205.744	8.092.875.430.041	78.017.224.297
Đầu tư tài chính dài hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	
Tài sản dài hạn khác	19.418.596.277	21.032.748.697	1.614.152.420
	10.051.176.529.146	10.203.030.694.291	151.854.165.145
Nợ phải trả	(8.832.856.994.593)	(8.832.856.994.593)	
Tài sản thuần	1.218.319.534.552	1.370.173.699.697	151.854.165.145
Giá trị tài sản thuần tăng thêm:			151.854.165.145
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			30.370.833.029
Giá trị tài sản thuần phân bổ cho các cổ đông:			1.339.802.866.668
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ			62,47%
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ			48.671.200.808
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			502.828.015.861
Tổng giá phí			788.303.650.000
Khoản tiền thu được			(589.504.307.921)
Tiền thuần chi ra			198.799.342.079

Vào ngày 31/12/2019, Công ty góp thêm 32.000.000.000 đồng, tăng tỷ lệ sở hữu từ 62,47% lên 63,40% tại Công ty con này. Khoản chênh lệch phát sinh giữa phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần với số vốn góp thêm là 616.375.984 đồng, được công ty mẹ ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



17/12/2019
T
A
O
C
A
P
P
H
C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh từ việc mua lại này phần lớn bao gồm sự hợp nhất và tính kinh tế theo qui mô dự kiến thu được từ việc kết hợp hoạt động của Công ty mẹ và Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn. Việc hợp nhất kinh doanh sẽ làm tăng thị phần của Công ty mẹ trong mảng đầu tư vào các dự án BOT và tối ưu chi phí quản lý vận hành dự án BOT.

Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Vào ngày 27/09/2019, Công ty CP Đầu Tư Đèo cả trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2019/CNCP-DII ngày 27/8/2019. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 60,12% quyền sở hữu trong Công ty CP Đầu Tư Đèo cả. Một doanh nghiệp dự án BOT với tổng giá phí mua là 914.081.250.000 đồng.

Nhằm xác định Giá trị hợp lý tài sản thuần tại ngày mua, theo đó Giá trị tài sản thuần tại ngày mua này được dựa trên kết quả chứng thư thẩm định giá số Số: 2210-5/2019/CT-VTA/CP về việc đánh giá tài sản thuần của Công ty CP Đầu Tư Đèo cả tại ngày 30/09/2019.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Công ty mẹ tại ngày mua như sau:

Tài sản	Giá trị ghi sổ tại ngày mua (VNĐ)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua (VNĐ)	Chênh lệch tài sản thuần (VNĐ)
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.972.114.115	85.972.114.115	
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Các khoản phải thu ngắn hạn	783.809.854.857	783.809.854.857	
Hàng tồn kho	1.126.782.814	1.126.782.814	
Tài sản ngắn hạn khác	154.526.575.944	154.526.575.944	
Các khoản phải thu dài hạn	45.000.000	45.000.000	
Tài sản cố định	10.926.240.480.121	11.302.158.443.140	375.917.963.019
Tài sản dở dang dài hạn	3.681.894.066.424	3.811.613.084.526	129.719.018.102
Đầu tư tài chính dài hạn	30.500.000.000	34.976.400.844	4.476.400.844
Tài sản dài hạn khác	6.096.184.706	9.803.319.244	3.707.134.538
	15.670.211.058.981	16.184.031.575.484	513.820.516.503
Nợ phải trả	(11.148.680.157.992)	(11.148.680.157.992)	
Nguồn kinh phí và quỹ khác	(3.452.924.767.484)	(3.452.924.767.484)	
Tài sản thuần	1.068.606.133.505	1.582.426.650.008	513.820.516.503

Giá trị tài sản thuần tăng thêm:	513.820.516.503
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	102.764.103.301
Giá trị tài sản thuần phân bổ cho các cổ đông:	1.479.662.546.707
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	60,12%
Lợi thế thương mại	24.508.126.920
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	590.089.423.627
Tổng giá phí	914.081.250.000
Khoản tiền thu được	(85.972.114.115)
Tiền thuần chi ra	828.109.135.885



11/09/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại này phần lớn bao gồm sự hợp nhất và tính kinh tế theo qui mô dự kiến thu được từ việc kết hợp hoạt động của Công ty mẹ và Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn. Việc hợp nhất kinh doanh sẽ làm tăng thị phần của Công ty mẹ trong mảng đầu tư vào các dự án BOT và tối ưu chi phí quản lý vận hành dự án BOT.

Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Vào ngày 27/09/2019, Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT trở thành công ty con theo Hợp đồng chuyển nhượng số 03/2019/CNCP-DII ngày 27/8/2019 và Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2019/CNCP-DII ngày 27/08/2019. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 99,47% quyền sở hữu trong Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT. Một doanh nghiệp dự án BOT với tổng giá phí mua là 272.331.000.000 đồng.

Nhằm xác định Giá trị hợp lý tài sản thuần tại ngày mua, theo đó Giá trị tài sản thuần tại ngày mua này được dựa trên kết quả chứng thư thẩm định giá số 2210-4/2019/CT-VTA/CP về việc đánh giá tài sản thuần của Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT tại ngày 30/09/2019.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Công ty mẹ tại ngày mua như sau:

Tài sản	Giá trị ghi sổ tại ngày mua (VNĐ)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua (VNĐ)	Chênh lệch tài sản thuần (VNĐ)
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.735.653.678	18.735.653.678	
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Các khoản phải thu ngắn hạn	57.924.726.942	57.924.726.942	
Các khoản phải thu dài hạn	82.851.586.991	82.851.586.991	
Tài sản cố định	1.061.656.791.834	1.214.849.246.186	153.192.454.352
Tài sản dở dang dài hạn	17.069.721	365.098.200	348.028.479
	1.221.185.829.166	1.374.726.311.997	153.540.482.831
Nợ phải trả	(966.936.809.694)	(966.936.809.694)	
Nguồn kinh phí và quỹ khác			
Tài sản thuần	254.249.019.472	407.789.502.303	153.540.482.831

Giá trị tài sản thuần tăng thêm:	153.540.482.831
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.708.096.566
Giá trị tài sản thuần phân bổ cho các cổ đông:	377.081.405.737
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	99,47%
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	102.751.874.286
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.998.531.450
Tổng giá phí	272.331.000.000
Khoản tiền thu được	(18.735.653.678)
Tiền thuần chi ra	253.595.346.322

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại này phần lớn bao gồm sự hợp nhất và tính kinh tế theo qui mô dự kiến thu được từ việc kết hợp hoạt động của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT. Việc hợp nhất kinh doanh sẽ làm tăng thị phần của Công ty mẹ trong mảng đầu tư vào các dự án BOT và tối ưu chi phí quản lý vận hành dự án BOT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Vào ngày 27/09/2019, Công ty CP Đầu Tư BOT Đèo cả Khánh Hòa trở thành công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2019/CNCP-DII ngày 27/8/2019. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 40% quyền sở hữu trực tiếp trong Công ty CP Đầu Tư BOT Đèo cả Khánh Hòa. Một doanh nghiệp dự án BOT với tổng giá phí mua là 122.000.000.000 đồng.

Nhằm xác định Giá trị hợp lý tài sản thuần tại ngày mua, theo đó Giá trị tài sản thuần tại ngày mua này được dựa trên kết quả chứng thư thẩm định giá số 2210-1/2019/CT-VTA/CP về việc đánh giá tài sản thuần của Công ty CP Đầu Tư BOT Đèo cả Khánh Hòa tại ngày 30/09/2019.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Công ty mẹ tại ngày mua như sau:

Tài sản	Giá trị ghi sổ tại ngày mua (VNĐ)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua (VNĐ)	Chênh lệch tài sản thuần (VNĐ)
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.312.662.789	146.312.662.789	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	5.574.236.485	574.236.485
Các khoản phải thu ngắn hạn	430.498.689.633	430.498.689.633	
Tài sản ngắn hạn khác	13.963.453	13.963.453	
Các khoản phải thu dài hạn	148.000.000	148.000.000	
Tài sản cố định	1.487.786.500.520	1.708.819.307.918	221.032.807.398
Tài sản dở dang dài hạn			
Đầu tư tài chính dài hạn	18.000.000.000	18.082.151.633	82.151.633
Tài sản dài hạn khác			
	2.087.759.816.395	2.309.449.011.911	221.689.195.516
Nợ phải trả	(1.737.995.807.960)	(1.737.995.807.960)	
Nguồn kinh phí và quỹ khác			
Tài sản thuần	349.764.008.435	571.453.203.951	221.689.195.516
Giá trị tài sản thuần tăng thêm:			221.689.195.516
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			44.337.839.103
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ			40,00%
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ			88.846.145.939
Tổng giá phí			122.000.000.000
Khoản tiền thu được			(146.312.662.789)
Tiền thuần chi ra			(24.312.662.789)

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại này phần lớn bao gồm sự hợp nhất và tính kinh tế theo qui mô dự kiến thu được từ việc kết hợp hoạt động của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa. Việc hợp nhất kinh doanh sẽ làm tăng thị phần của Công ty mẹ trong mảng đầu tư vào các dự án BOT và tối ưu chi phí quản lý vận hành dự án BOT.

Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần xác định được của Công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được Công ty ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản cố định được theo dõi và phân bổ khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm)



K.C.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sau ngày mua như sau:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết sau ngày mua	9.452.976.620
Trích quỹ khác	
Tỷ lệ lợi ích	46,01%
Trong đó: - Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	40,00%
- Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	6,01%
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	4.349.503.602
Giá gốc khoản đầu tư	122.183.366.000
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư	126.532.869.602

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Vào ngày 27/09/2019, Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị trở thành công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 06/2019/CNCP-DII ngày 29/8/2019. Theo đó Công ty đã hoàn tất việc mua và kiểm soát 22,17% quyền sở hữu trong Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị. Một doanh nghiệp dự án BOT với tổng giá phí mua là 94.000.000.000 đồng. Tại ngày mua Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án. Giá trị hợp lý tài sản thuần tại ngày mua bằng với giá trị ghi sổ của Công ty này. Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần không phát sinh.

Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ tại ngày mua (VNĐ)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày hợp nhất (VNĐ)	Chênh lệch
Tài sản	424.646.973.294	424.679.124.365	32.151.071
Nợ phải trả	(1.128.696.833)	(1.128.696.833)	
Tài sản thuần	423.518.276.461	423.550.427.532	32.151.071
Phần sở hữu trong Công ty liên kết		93.899.704.205	
Giá gốc khoản đầu tư		94.000.000.000	
Lợi thế thương mại		100.295.795	

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này được Công ty trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sau ngày hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết sau ngày mua	488.635.103
Trích quỹ khác	
Tỷ lệ lợi ích	22,17%
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	108.330.402
Giá gốc khoản đầu tư	94.000.000.000
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư	94.108.330.402

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết này trước đây với tỷ lệ lợi ích 21,95%, được Công ty ghi nhận theo phương pháp giá gốc với giá gốc khoản đầu tư 13.500.000.000 đồng. Vào ngày 27/09/2019 Công ty bắt đầu chuyển sang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý tài sản thuần bằng với giá trị ghi sổ của Công ty này.

Tại ngày lập báo cáo hợp nhất khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày hợp nhất (VNĐ)
Tài sản	93.201.636.457
Nợ phải trả	25.139.929.113
Tài sản thuần tại ngày mua	68.061.707.344
Phần sở hữu trong Công ty liên kết	14.939.544.762
Giá gốc khoản đầu tư	13.500.000.000
Chênh lệch giữa phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần ghi nhận vào thu nhập khác	1.439.544.762
Khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sau ngày hợp nhất như sau:	
Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết sau ngày mua	1.428.004.475
Trích quỹ khác	
Tỷ lệ lợi ích	21,95%
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	313.446.982
Giá gốc khoản đầu tư	13.500.000.000
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư	13.813.446.982

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	3.706.836.384	221.261.431
- VND	3.706.836.384	221.261.431
Tiền gửi không kỳ hạn	55.767.032.956	2.936.366.025
- Tiền gửi (VND)	55.767.032.956	2.936.366.025
- Tiền gửi (USD)		
Tiền đang chuyển	927.400.000	
Các khoản tương đương tiền	752.089.490.102	
- Tiền gửi có kỳ hạn	752.089.490.102	
Cộng	812.490.759.442	3.157.627.456



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2019	Giá gốc	Giá trị ghi số
b1) Ngắn hạn			
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000		17.000.000.000
b2) Dài hạn			
- Ngân hàng Vietinbank	15.000.000.000		15.000.000.000
- Trái phiếu	2.000.000.000		2.000.000.000
Cộng	17.000.000.000		17.000.000.000

- c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019	Đầu tư tăng thêm	Lãi tại ngày mua	01/01/2019
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	359.232.381.816	250.976.400.844	88.846.145.939	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (*)	14.952.001.029			1.452.001.029
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (*)	250.172.050.385	156.976.400.844	88.846.145.939	4.349.503.602
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị (*)	94.108.330.402	94.000.000.000		108.330.402
Cộng	359.232.381.816	250.976.400.844	88.846.145.939	13.500.000.000

Ghi chú: (*)

- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa trở thành công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2019/CNCP-DII ngày 27/8/2019.
- Từ ngày 27/09/2019, Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị trở thành công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 06/2019/CNCP-DII ngày 29/8/2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Giá gốc
Đầu tư vào đơn vị khác		
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư UDIC (*)		
Cộng	77.783.120.000	77.783.120.000
	77.783.120.000	77.783.120.000
	91.283.120.000	91.283.120.000

- Từ ngày 26/06/2019, Công ty thoái vốn khỏi Công ty CP Đầu Tư UDIC theo Hợp đồng chuyển nhượng số 2606/2019/CNCP-UDIC ngày 26/6/2019.

(*) : Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	
a) Ngắn hạn	11.035.892.482	42.930.027.808	12.415.723.784	41.912.189.793	
Bên khác	11.035.892.482	41.844.193.522	12.415.723.784	34.228.143.122	
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch		2.153.072.558		12.869.579.304	
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165	
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long		1.329.954.199			
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		5.082.418.376	1.524.725.513	5.082.418.376	
Công ty cổ phần 484(CNBD)	146.052.109	146.052.109	146.052.109	146.052.109	
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000	
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430	
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858	
Công ty CP XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585	
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	247.800.000	354.000.000	
Công ty CP XD Cầu đường 19-(CTLĐ XD 5 ống công Đắc Hà)	356.880.000	356.880.000	356.880.000	356.880.000	
Công ty CP XD Cầu đường 19 - (CT LD XD ĐB 5 -thuế trạm trộn)	402.079.364	402.079.364	402.079.364	402.079.364	
Công ty CP XD Cầu đường 19-(Xí nghiệp 52 CT LD XD ĐB 5 - Bê tông tươi)	341.358.000	341.358.000	341.358.000	341.358.000	
Công ty TNHH TM Nguyễn Chí - Thuê máy bơm bê tông	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	74.999.940	249.999.800	
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại và Dịch Vụ Thành Lộc		207.991.080	103.995.541	207.991.080	
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656	
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912	
Đối tượng khác	514.008.070	22.548.872.897	546.318.178	5.546.269.950	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

a) Ngắn hạn

Bên khác

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam

b) Dài hạn

Cộng

	31/12/2019	01/01/2019
	Dự phòng	Dự phòng
	Giá trị	Giá trị
	1.085.834.286	7.684.046.671
		1.912.835.000
		1.418.017.671
	1.085.834.286	4.353.194.000
	11.035.892.482	12.415.723.784
	42.930.027.808	41.912.189.793

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

Bên khác

Ban quản lý dự án 85

Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Ngâm

Công ty Cp đầu tư XD Hải Thạch

Công ty CP Sông đà 10

Nippon Koei o.,LTD

Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô

Tổng công ty XD CT giao thông 8 - CTCP

Đối tượng khác

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả

	31/12/2019	01/01/2019
	Dự phòng	Dự phòng
	Giá trị	Giá trị
	1.245.951.913	513.334.233.860
	1.245.951.913	402.727.004.731
	20.730.453.335	20.730.453.335
	966.000.000	966.000.000
	15.247.718.241	15.247.718.241
	94.082.320.759	94.082.320.759
	68.091.928.678	68.091.928.678
	9.381.606.667	9.381.606.667
	42.435.182.624	42.435.182.624
	24.121.874.552	24.121.874.552
	8.327.509.806	8.327.509.806
	119.342.410.069	119.342.410.069
	1.245.951.913	110.607.229.129
	110.607.229.129	110.607.229.129
	650.894.794	650.894.794
	650.894.794	650.894.794
	2.574.133.995	2.574.133.995

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
b) Dài hạn	62.378.709.484	
Bên khác	51.653.143.924	
Ban Quản lý dự án 2	2.850.000.000	
Ban Quản lý dự án An toàn giao thông	4.592.000.000	
Báo Giao Thông	100.000.000	
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng	4.858.005.642	
Công ty TNHH Thời trang may Bình Minh	145.332.000	
Xí nghiệp toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	22.000	
Công ty TNHH Trần Đăng Khoa	112.441.950	
Công ty Cổ phần Phát triển thương hiệu Trần Gia	11.550.000	
Hội Đồng Nghiệm thu Nhà Nước các công trình xây dựng	500.000.000	
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - CN Sở giao dịch 1	1.754.500	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	122.674.951	
Ban quản lý dự án ĐTXD Tỉnh Lạng Sơn	3.425.350.000	
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT - CTCP	269.706.600	
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng VNC	1.318.550.786	
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lạng Sơn	39.050.000	
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng HPT	10.517.741.888	
Công ty CP Giao thông Xây dựng số 1	3.837.130.691	
Đối tượng khác	18.951.832.916	
Bên liên quan	10.725.565.560	
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	25.843.360	
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	10.699.722.200	
Cộng	1.245.951.913	650.894.794
	575.712.943.344	2.574.133.995



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

Công ty cổ phần Đầu tư UDIC

b) Dài hạn

Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hải Thạch

Cộng

06 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

Tạm ứng

Ký cược, ký quỹ

Phải thu khác:

Bên Khác

Công ty CP ĐTXD Hải Thạch

Cục Quản lý đường bộ III

Bảo hành các Công trình

Công ty CP Đầu tư UDIC

CN công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - XN Đại Việt

Công ty bảo hiểm PVI Gia Định

Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492

Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư

Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư

tại các huyện, tỉnh Bắc Giang Lạng Sơn

Đối tượng khác

Bên liên quan

Công ty CP ĐTTM Quốc Tế Hà Thành

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng giao thông VN

	31/12/2019	01/01/2019
	339.770.216	339.770.216
	339.770.216	339.770.216
	13.787.709.800	13.787.709.800
	13.787.709.800	13.787.709.800
	14.127.480.016	14.127.480.016

	31/12/2019		01/01/2019	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
	353.152.275.866	1.032.556.836	41.196.084.145	1.509.472.996
	116.127.573.715	159.523.000	2.667.149.240	653.283.583
	100.000.000		117.720.460	
	236.924.702.151	873.033.836	38.411.214.445	856.189.413
	159.166.277.605	873.033.836	38.411.214.445	856.189.413
	13.189.516.549		732.137.818	
	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
			36.302.142.822	
			450.000.000	

	10.293.500.000			
	5.338.754.886			
	4.217.137.636			
	46.370.610.542			
	29.895.316.994			
	49.023.622.998	35.215.836	89.115.805	18.371.413
	77.758.424.546			
	49.083.120.000			
	4.349.904.546			
	24.325.400.000			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

06. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2019	01/01/2019
	Gia trị	Dự phòng
b) Dài hạn	92.126.821.978	96.640.000
Phải thu tạm ứng cổ tức	82.843.201.991	
Bên Khác	239.057.455	
+ Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	239.057.455	
Bên liên quan	82.604.144.536	
+ Công ty CP Đầu tư TMOI Hà Thành	33.044.623.990	
+ Công ty CP BOT Hưng Phát	49.559.520.546	
Ký cược, ký quỹ	9.275.234.987	
Phải thu khác	8.385.000	96.640.000
Cộng	445.279.097.844	1.032.556.836
		41.292.724.145
		1.509.472.996

07. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2019	01/01/2019
	Gia gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.781.811.311	467.410.080
+ Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533
+ Đối tượng khác	5.222.668.249	467.410.080
Cộng	13.781.811.311	467.410.080
		16.004.788.911
		1.428.697.337

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

27 Bùi Chất, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2019

08 . HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Cộng**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

09 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

Mua sắm

Xây dựng cơ bản dở dang

- Hạng mục hầm Hải Vân

+ Chi phí mua sắm TSCĐ

+ Chi phí các gói thầu GPMB - TĐC

+ Chi phí các gói thầu khác

+ Chi phí lãi vay

+ Chi phí quản lý dự án

+ Chi phí các gói thầu thiết bị

+ Chi phí các gói thầu Tư vấn

+ Chi phí xây dựng các gói thầu xây lắp

+ Hạng mục khác

- Hạng mục đầu tư xây dựng công trình tuyến Cao tốc Bắc Giang - TP. Lạng Sơn

+ Hợp phần cao tốc

+ Chi phí GPMB

+ Chi phí lãi vay

+ Chi phí quản lý dự án

+ Hạng mục khác

Cộng

	31/12/2019	01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
	6.093.935.832		7.110.962.207
	4.049.162.426		353.401.340
	97.118.107.753		68.622.059.843
	107.261.206.011		76.086.423.390

31/12/2019 01/01/2019

	497.762.553		19.574.271
	13.233.346.801.755		
	4.238.170.316.633		
	79.823.736		
	604.280.430		
	16.077.343.299		
	1.035.249.832.767		
	60.979.276.600		
	317.354.961.778		
	387.528.389.264		
	2.316.521.176.677		
	103.775.232.082		
	8.995.176.485.122		
	5.688.991.302.321		
	1.560.061.810.961		
	1.590.890.174.877		
	44.499.303.564		
	110.733.893.399		
	13.233.844.564.308		19.574.271



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	4.293.391.505	172.987.003.114
2. Số tăng trong năm	22.927.421.516	15.002.023.873.259
- Mua trong năm	32.845.455	85.345.455
- Đầu tư XDCB hoàn thành		477.984.861.709
- Hàm Đèo Cà, Cù Mông, Hải Vân		412.963.153.703
- Cao tốc QL1 Bắc Giang Lạng Sơn		17.228.993.198
- Hạ tầng hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia		47.792.714.808
- Tăng do hợp nhất tài sản Công ty con tại ngày mua	22.894.576.061	14.523.953.666.095
- Hạ tầng hầm Đèo Cà, Cù Mông, Hải Vân	22.208.004.090	11.857.638.357.051
- QL1 Bắc Giang Lạng Sơn	266.736.598	1.228.800.870.774
- Hạ tầng hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia	419.835.373	1.437.514.438.270
3. Số giảm trong năm	43.940.000	47.362.461.958
- Chuyển sang BĐS đầu tư	43.940.000	47.362.461.958
4. Số dư cuối năm	27.176.873.021	15.127.648.414.415

II. Giá trị hao mòn lũy kế

1. Số dư đầu năm	1.672.303.282	75.451.638.356
2. Khấu hao trong năm	11.024.316.966	905.262.966.389
- Khấu hao trong năm	1.411.420.164	60.179.765.450
- Tăng khác	416.802.828	2.376.513.883
- Tăng do hợp nhất tài sản Công ty con tại ngày mua	9.196.093.974	842.706.687.056
- Hạ tầng hầm Đèo Cà, Cù Mông, Hải Vân	8.803.061.583	556.944.548.334
- Cao tốc QL1 Bắc Giang Lạng Sơn	182.624.377	63.096.946.637
- Hạ tầng hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia	210.408.014	
3. Giảm trong năm	16.442.066	9.997.701.418
- Thanh lý, nhượng bán	16.442.066	9.997.701.418
4. Số dư cuối năm	12.680.178.182	970.716.903.327

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	2.621.088.223	97.535.364.758
2. Tại ngày cuối năm	14.496.694.840	14.156.931.511.088

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 14.120.354.444.837 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.860.039.763 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

Tài sản cố định dự án BOT được ghi nhận theo nguyên giá tạm tính từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng. Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

- Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục hầm Cồ Mã và đường dẫn, hầm Đèo Cà, hầm Cù Mông, Khu tái định cư tại Phú Yên và Khu tái định cư tại Khánh Hòa:
- Đối với phần vốn Ngân sách nhà nước là 2.924.167.660.871 đồng;
 - Đối với Tiểu dự án Khu tái định cư tại tỉnh Phú Yên là 70.033.985.024 đồng;
 - Đối với Tiểu dự án Khu tái định cư tại tỉnh Khánh Hòa là 68.931.959.481 đồng;
 - Đối với hạng mục hầm Đèo Cà là 5.839.583.270.295 đồng;
 - Đối với hạng mục hầm Cù Mông là 2.559.454.419.641 đồng.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500: 1.164.962.738.363 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế: 1.330.745.525.707 đồng

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm	618.292.634			45.000.000		663.292.634	
2. Số tăng trong năm				539.500.850	183.403.472	722.904.322	
- Mua trong năm				225.000.000		225.000.000	
- Tạo ra từ nội bộ DN							
- Tặng khác				314.500.850	183.403.472	497.904.322	
3. Số giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	618.292.634			584.500.850	183.403.472	1.386.196.956	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	25.797.961			45.000.000		70.797.961	
2. Khấu hao trong năm	12.881.088			274.862.916		287.744.004	
- Khấu hao trong năm	12.881.088			102.215.360		115.096.448	
- Tặng khác				172.647.556		172.647.556	
3. Giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	38.679.049			319.862.916		358.541.965	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	592.494.673					592.494.673	
2. Tại ngày cuối năm	579.613.585			264.637.934	183.403.472	1.027.654.991	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 45.000.000 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC					
a) Ngắn hạn					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	137.406.331.880	137.406.331.880	663.934.353	663.934.353	
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	132.806.331.880	132.806.331.880	215.019.096	215.019.096	
Các khoản khác	128.948.442.820	128.948.442.820	448.915.257	448.915.257	
b) Dài hạn					
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.857.889.060	3.857.889.060	5.842.644.678	5.842.644.678	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.600.000.000	4.600.000.000	2.241.031.419	2.241.031.419	
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	2.000.000.000	2.000.000.000	1.899.025.899	1.899.025.899	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.600.000.000	2.600.000.000	897.270.058	897.270.058	
Các khoản khác			805.317.302	805.317.302	
Cộng	137.406.331.880	137.406.331.880	47.787.799.505	6.506.579.031	
13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH					
a) Vay ngắn hạn					
				01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn - VND	137.406.331.880	137.406.331.880	254.289.629.997	220.966.416.915	104.083.118.798
Bên khác:	132.806.331.880	132.806.331.880	217.689.629.997	188.966.416.915	104.083.118.798
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	128.948.442.820	128.948.442.820	217.689.629.997	188.566.551.041	99.825.363.864
- Cán bộ, công nhân viên	3.857.889.060	3.857.889.060		399.865.874	4.257.754.934
Bên liên quan	4.600.000.000	4.600.000.000	36.600.000.000	32.000.000.000	
- Công ty CP tập đoàn Đèo Cả			32.000.000.000	32.000.000.000	
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng AZZ	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000		
Cộng	137.406.331.880	137.406.331.880	254.289.629.997	220.966.416.915	104.083.118.798
					104.083.118.798



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
b) Vay dài hạn				
Trên 1 năm đến 5 năm	239.858.333.334	239.858.333.334	260.800.000.000	25.751.888.878
Bên khác :	2.058.333.334	2.058.333.334		2.751.888.878
- Vay dài hạn mua 3 chung cư	2.058.333.334	2.058.333.334		1.299.999.986
- Vay mua xe ô tô				1.451.888.892
Bên liên quan	237.800.000.000	237.800.000.000	260.800.000.000	23.000.000.000
- Công ty CP tập đoàn Đèo cá	237.800.000.000	237.800.000.000	260.800.000.000	23.000.000.000
Trên 5 năm	19.927.430.428.520	19.927.430.428.520	20.070.224.789.979	142.794.361.459
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	19.033.974.340.184	19.033.974.340.184	19.175.191.701.643	141.217.361.459
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDTTTT/NHCT106-DEOCA	2.269.093.688.681	2.269.093.688.681	2.295.921.050.139	26.827.361.458
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HDTTTT/NHCT106-DEOCA	2.232.251.512.480	2.232.251.512.480	2.232.251.512.480	
+ Hợp đồng tín dụng số 02-2013-HDTTTT/NHCT106-DEOCA	4.654.403.867.855	4.654.403.867.855	4.655.903.867.855	1.500.000.000
+ Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HDTTTT/NHCT106-DEOCA	1.053.300.067.777	1.053.300.067.777	1.053.600.067.777	300.000.000
Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDTTTT/NHCT106-BOT BGLS	8.824.925.203.391	8.824.925.203.391	8.937.515.203.392	112.590.000.001
- Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	893.456.088.336	893.456.088.336	895.033.088.336	1.577.000.000
Cộng	20.167.288.761.854	20.167.288.761.854	20.331.024.789.979	168.546.250.337
				4.810.222.212

4.810.222.212



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HDCVHM/NHCT480	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2020	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cả vật xe ô tô, giấy chứng nhận quyền sử dụng
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	Hợp đồng tín dụng số 02/2019-HDCVHM/NHCT480	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2020	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng AAZ	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-AZZ ngày 30/7/2019	2.000.000.000	12 tháng	4,5%/năm	Vay đầu tư và Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

(1) Theo Hợp đồng vay số 01/2013/CNTPHN - DEOCA với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội ngày 16/01/2013 số tiền vay là: 4.359.000.000.000 đồng, thời gian cho vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân, thời gian giải ngân là 04 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không vượt quá thời gian thực hiện các Hạng mục của Công trình BT theo quy định tại Hợp đồng Dự án BOT và BT số 26/HEXD-DEOCA ngày 08/11/2012 giữa Bộ Giao thông Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cá, thời gian ân hạn là 04 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian thực hiện các Hạng mục của Công trình BT theo quy định tại Hợp đồng Dự án BOT và BT số 26/HEXD-DEOCA ngày 08/11/2012 giữa Bộ Giao thông Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cá. Thời gian nhận nợ là 10 năm, đồng tiền nhận nợ là VNĐ, cho vay theo dự án đầu tư, mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán các chi phí thực hiện Công trình BT thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Hàm đường bộ qua Đèo Cá - Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa. Việc thanh toán các chi phí trên không bao gồm các chi phí thanh toán Gói thầu 10 - Xây dựng đường công vụ B1a, cầu số 1 trên tuyến B1a; Gói thầu số 20 - Giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị; Gói thầu số 27- Tư vấn Quản lý dự án. Nguồn trả nợ là Ngân sách Nhà nước do Bộ Giao thông Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cá chi trả theo quy định tại Hợp đồng dự án BOT và BT số 26/HEXD-DEOCA ngày 08/11/2012. Lãi trong thời gian thi công được nhập vào gốc. Tài sản đảm bảo là:

- Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng Dự án BOT và BT số 26/HEXD-DEOCA ngày 08/11/2012 giữa Bộ Giao thông Vận tải và Nhà đầu tư đối với phần Công trình BT do Ngân hàng Công thương Việt Nam tài trợ.
- Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ Hạng mục BT thuộc Dự án Hàm đường bộ qua Đèo Cá trong thời gian chưa chuyển giao cho Nhà nước.
- Thế chấp quyền khai thác toàn bộ nguồn thu của Trạm Ninh An - Quốc lộ 1A.
- Các biện pháp đảm bảo khác theo thỏa thuận của hai bên (nếu có).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

- (2) Theo Hợp đồng số 01/2015 - HĐDDA/NHCT106-DEOCA ngày 28/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 3.351.000.000.000 đồng để thực hiện Hạng mục đầu tư Hàm đường bộ qua đèo Cù Mông, QL1 tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định thuộc Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cà - QL1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa theo hình thức BT và BOT. Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (3) Theo Hợp đồng số 01/2016 - HĐDDA/NHCT106-DEOCA ngày 02/02/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 4.182.000.000.000 đồng và phần lãi vay trong thời gian xây dựng được vốn hóa vào Tổng mức đầu tư của Dự án để thực hiện Giai đoạn 2 - Mở rộng Hàm Hải Vân thuộc Hạng mục đầu tư ở rộng Hàm Đường bộ Hải Vân QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng) được bổ sung vào Dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cà. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (4) Theo Hợp đồng vay số 02/2013/NHCT106-DEOCA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội ngày 22/10/2013. Hạn mức vay là: 5.420.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện Công trình BOT thuộc Dự án Xây dựng Hầm đường bộ qua Đèo Cà - Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ.
- (5) Theo Hợp đồng số 02/2015 - HĐDDA/NHCT106-DEOCA ngày 11/12/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.190.000.000.000 đồng để thực hiện nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Hàm Hải Vân 1 và Đoạn tuyến QL1 qua Đèo Hải Vân (Giai đoạn 1 của Hạng mục Đầu tư mở rộng Hàm đường bộ qua Đèo Hải Vân, QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng) được bổ sung vào Dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cà - QL1 theo hình thức BT và BOT (Bao gồm cả cho vay lãi nhập gốc trong thời gian xây dựng và cho vay phần Thuế GTGT). Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (6) Theo Hợp đồng số 01/2017-HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 10.169.000.000.000 tỷ đồng để thực hiện Thực hiện dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn theo hình thức BOT (Bao gồm cả cho vay lãi nhập gốc trong thời gian xây dựng và cho vay phần Thuế GTGT). Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền thu phí, tài sản phát sinh theo hợp đồng dự án BOT
- (7) Theo Hợp đồng Số 23072014/HDDH; Phụ lục sửa đổi bổ sung 1-6 với Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội. Hạn mức vay là 1.148.942.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng-Phú Gia, quốc lộ 1A, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo hình thức hợp đồng BOT. Thời hạn vay 233 tháng. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty TNHH Hà Thành và Công ty CP ĐTM Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

Chi phí lãi vay của các khoản nợ vay của các hợp đồng nêu trên liên quan đến các dự án đang thực hiện được vốn hóa theo chuẩn mực chi phí lãi vay được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

31/12/2019

01/01/2019

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	1.097.329.726.551	1.097.329.726.551	52.118.095.808	52.118.095.808
<i>Bên khác</i>	<i>898.199.568.871</i>	<i>898.199.568.871</i>	<i>46.651.715.432</i>	<i>46.651.715.432</i>
Công ty CP XD thí nghiệm điện & trang trí nội thất EMTC3	11.867.731.900	11.867.731.900		
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ hậu cần Thăng Long - Đèo cá	6.674.819.800	6.674.819.800	6.529.153.672	6.529.153.672
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Tiến - Đà Nẵng			468.083.001	468.083.001
Công ty TNHH MTV xây dựng 99	1.707.015.145	1.707.015.145	5.595.922.661	5.595.922.661
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	22.066.275.015	22.066.275.015	252.690.000	252.690.000
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	1.556.765.000	1.556.765.000	88.307.200	88.307.200
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đường Việt	88.307.200	88.307.200	379.355.000	379.355.000
Nguyễn Văn Dung	379.355.000	379.355.000	2.035.138.770	2.035.138.770
Công ty CP nền móng Đua Fat				
Công ty CP công nghệ Sao Bắc Đẩu	63.586.665.138	63.586.665.138		
Công ty TNHH APA VE Châu á - Thái Bình Dương	20.646.941.214	20.646.941.214		
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationalllc	13.060.562.513	13.060.562.513		
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô 9	20.985.717.618	20.985.717.618		
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	12.000.378.308	12.000.378.308		
Công ty CP đầu tư GD phát triển công nghệ Năng Lượng	40.539.098.486	40.539.098.486		
Công ty TNHH Hòa Hiệp	49.789.309.938	49.789.309.938		
Đối tượng khác	18.055.562.457	18.055.562.457	3.400.330.117	3.400.330.117

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	45.637.546.215	45.637.546.215		
Công ty CP LICOGI 16	174.652.263.062	174.652.263.062		
Phải trả cho các đối tượng khác	394.905.254.862	394.905.254.862	27.902.735.011	27.902.735.011
Bên liên quan	199.130.157.680	199.130.157.680	5.466.380.376	5.466.380.376
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	155.096.589.233	155.096.589.233	194.171.000	194.171.000
Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	5.603.916.143	5.603.916.143	5.272.209.376	5.272.209.376
Công ty cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	38.429.652.304	38.429.652.304		
b) Dài hạn				
Cộng	1.097.329.726.551	1.097.329.726.551	52.118.095.808	52.118.095.808

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Bên khác	13.671.606.067	13.671.606.067	34.747.474.786	34.747.474.786
Công ty xăng dầu Bình Định	3.000.000.000	3.000.000.000	7.782.510.935	7.782.510.935
Công ty CP XD công trình Ngâm	1.495.821.371	1.495.821.371	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty CP XD và TM Nhật Thành	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000
Công ty xăng dầu khu vực V	3.000.000.000	3.000.000.000		
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925	2.475.005.925	2.475.005.925
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	2.587.489.000	2.587.489.000	2.587.489.000	2.587.489.000
Đối tượng khác	888.289.771	888.289.771	999.194.639	999.194.639
Bên liên quan	26.964.963.851	26.964.963.851	26.964.963.851	26.964.963.851
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả			25.758.487.694	25.758.487.694
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả			1.206.476.157	1.206.476.157
b) Dài hạn				
Cộng	13.671.606.067	13.671.606.067	34.747.474.786	34.747.474.786



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019		31/12/2019	
	Phải thu	Phải trả	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.046.732.249	2.473.947.351	1.353.536.093
Thuế thu nhập cá nhân		42.880.520	2.002.961.153	1.891.895.142
Thuế GTGT		7.694.097.463	41.731.119.501	50.650.568.468
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			613.542.102	613.542.102
Thuế tài nguyên			969.442.720	969.442.720
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			13.789.853.680	13.376.875.636
Thuế khác				
Cộng		8.783.710.232	61.580.866.507	1.679.182.286
				7.984.147.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

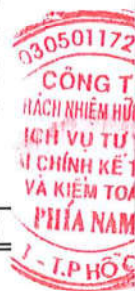
17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	179.052.776.706	38.559.844.565
Trích trước chi phí vận hành Hầm	59.594.948.136	36.824.914.395
Trích trước lãi vay	112.427.782.511	902.165.445
Các khoản khác	7.030.046.059	832.764.725
b) Dài hạn		
Cộng	179.052.776.706	38.559.844.565

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	1.239.493.642.697	7.377.910.273
Tài sản thừa chờ giải quyết	46.449.775	
Kinh phí công đoàn	571.851.388	382.306.912
Bảo hiểm xã hội		13.893.101
Bảo hiểm y tế	285.750	
Quỹ ủng hộ	620.533.926	397.160.222
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Tạm ứng (số dư có 141)	208.799.618	90.445.665
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	1.238.045.722.240	6.494.104.373
Bên khác	1.034.295.722.240	6.494.104.373
<i>Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán tại dự án BOT Đèo Cả.</i>	<i>949.466.173.445</i>	
<i>Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, chờ quyết toán Hạng mục tại dự án BOT Bắc Giang Lạng Sơn</i>	<i>67.827.684.999</i>	
<i>Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.650.429.936</i>	<i>1.650.429.936</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>15.351.433.860</i>	<i>4.843.674.437</i>
Bên liên quan	203.750.000.000	
<i>Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T</i>	<i>203.750.000.000</i>	
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	1.239.493.642.697	7.377.910.273

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	49.375.000.000	(289.680.000)	641.827.257	12.455.758.472			62.182.905.729
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000						30.000.000.000
Lãi trong năm trước				13.174.456.649			13.174.456.649
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				205.568.086			205.568.086
Giảm vốn trong năm trước			1.240.824.122	(2.481.648.244)			(1.240.824.122)
Trích quỹ từ lợi nhuận							
Chia cổ tức							
Thù lao hội đồng quản trị				(2.774.750.000)			(2.774.750.000)
Số dư cuối năm trước	79.375.000.000	(289.680.000)	1.882.651.379	20.579.384.963			101.547.356.342
Số dư đầu năm nay	79.375.000.000	(289.680.000)	1.882.651.379	20.579.384.963			101.547.356.342
Tăng vốn trong năm nay	2.190.715.900.000						2.190.715.900.000
Lãi trong kỳ này			1.317.445.664	201.106.184.909			202.423.630.573
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.317.445.664)			(1.317.445.664)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.317.445.664)			(1,317,445,664)
Số dư nguồn vốn của cty con tại ngày mua					3.452.924.767.484	1.048.278.923.830	4.501.203.691.314
Tăng khác (*)				616.375.984			616.375.984
Chia cổ tức				(10.308.378.402)			(10.308.378.402)
Giảm khác		289.680.000		(289.680.000)			
Số dư cuối năm nay	2.270.090.900.000		3.200.097.043	209.068.996.126	3.452.924.767.484	1.048.278.923.830	6.983.563.684.483

Ghi chú (*) Là phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm của Công ty mẹ vào Công ty con Công ty Cổ Phần Bắc Giang Lạng Sơn và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	%	01/01/2019	%
Vốn góp của công ty mẹ	37.892.550.000	1,66%	69.892.550.000	
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả	37.892.550.000	1,66%	69.892.550.000	88,05%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.246.198.350.000	98,34%	9.482.450.000	11,95%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	914.081.250.000	40,27%		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	882.303.650.000	38,87%		
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	122.000.000.000	5,37%		
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	108.331.000.000	4,77%		
- Công ty CP BOT Hưng Phát	164.000.000.000	7,22%		
- Vốn góp của các đối tượng khác	23.482.450.000	1,03%	9.482.450.000	11,95%
Cộng	2.284.090.900.000	100,00%	79.375.000.000	100,00%

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 2 ngày 01 tháng 11 năm 2019, đã thông qua biên bản số 03/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, Nghị quyết hội đồng quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 thông qua kế hoạch và phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và hoán đổi nợ cụ thể:

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 01/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 02/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Đầu tư Thương Mại Quốc Tế Hà Thành trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 03/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần BOT Hưng Phát trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 04/2019/HĐMBCP/DII

-Ngày 04/12/2019 Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc trở thành cổ đông của DII theo hợp đồng số 05/2019/HĐMBCP/DII

Mục đích của lần tăng vốn này là Công ty sẽ đầu tư vào các dự án công trình giao thông để gia tăng thị phần và doanh số mảng khai thác và vận hành công trình đường bộ. Việc phát hành cổ phần cho các chủ nợ giúp các chủ nợ của Công ty có thể chuyển đổi khoản vay thành khoản đầu tư bằng cách sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo cả và gắn bó lâu dài với Công ty.

Công văn số 7352/UBCK-QLCB Ngày 06/12/2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của DII

Ngày 16/01/2019 Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo cả đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 24 với tổng số vốn điều lệ là 2.270.090.900.000 đồng

(*) Tại ngày 16/12/2019 Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,66%	1,66%
- Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cả	1,66%	1,66%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	71,08%	91,13%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	35,26%	40,27%
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	24,21%	38,87%
- Công ty CP Đầu tư TM Quốc tế Hà Thành	4,75%	4,77%
- Công ty CP BOT Hưng Phát	6,86%	7,22%
Cộng	72,73%	92,79%



10
10
PH
T
C
II

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	79.375.000.000	49.375.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	2.190.715.900.000	30.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	2.270.090.900.000	79.375.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.308.378.402	2.774.750.000

19.4. Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	227.009.090	7.937.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	227.009.090	7.937.500
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

50117
CÔNG
NHIỆM
VỤ T
HÌNH K
A KIỂM T
PHÍA N

- T.P.H

190
TY
AN
A T
HỢP
CÁ
TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	108.869.772.116	194.719.934.690
Doanh thu hoạt động xây lắp	44.565.656.257	150.480.675.378
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	20.796.300.000	21.274.175.001
Doanh thu kinh doanh bất động sản	599.435.000	1.307.858.182
Doanh thu thu phí trạm BOT	278.257.488.181	
Doanh thu khác	24.009.373.912	26.916.445.557
Cộng	477.098.025.466	394.699.088.808

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	91.890.301.631	332.204.423.671
+Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	70.049.783.286	315.201.417.610
+Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.840.518.345	17.003.006.061
Giá vốn xây dựng	44.236.630.339	
Giá vốn trạm thu phí	109.447.062.876	
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	614.902.607	1.608.715.565
Giá vốn khác	17.337.843.618	27.091.241.844
Cộng	263.526.741.071	360.904.381.080

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.165.852.133	1.750.462.212
Lãi hoàn trả tạm ứng gói thầu thi công		9.619.329.574
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá		
Cộng	8.165.852.133	11.369.791.786

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay	247.129.676.579	8.574.896.989
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá		
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
Cộng	247.129.676.579	8.574.896.989

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Chi phí bán hàng

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nguyên, vật liệu

Chi phí công cụ, dụng cụ

Chi phí nhân viên

Chi phí khấu hao

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Thuế, phí, lệ phí

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản chi phí QLDN khác (bao gồm cả LTTM)

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	58.119.760.452	20.872.830.578
	287.036.542	
	5.592.162.057	552.808.475
	8.560.762.293	7.765.137.215
	2.846.138.447	1.563.719.855
	9.303.665.766	2.673.083.528
	8.137.515	9.000.000
	947.953.152	3.151.664.718
	(2.189.243.495)	
	32.763.148.175	5.157.416.787
	58.119.760.452	20.872.830.578

06 . THU NHẬP KHÁC

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Lãi từ giao dịch mua giá rẻ

Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
		106.472.751
	240.272.146.605	
	106.157.321	7.401.752
	240.378.303.926	113.874.503

07 . CHI PHÍ KHÁC

Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Các khoản bị phạt

Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	3.421.619.485	
	823.210.783	758.254.875
	449.655.767	91.202.677
	4.694.486.035	849.457.552

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YÊU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	107.157.113.092	100.880.692.912
	160.000.418.876	150.559.682.992
	47.436.904.975	12.625.257.919
	94.767.307.534	75.119.163.576
	33.713.438.229	4.132.596.875
	443.075.182.706	343.317.394.274



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.295.676.729	1.660.252.757
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	178.270.622	146.479.492
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.473.947.351	1.806.732.249

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập hoãn lại phải trả	564.092.582	
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	564.092.582	

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	201.106.184.909	13.174.456.649
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.142.796	7.937.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.330	1.660

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	201.106.184.909	13.174.456.649
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.142.796	7.937.500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.330	1.660

13 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	306.000.000	364.000.000
Tiền lương	1.203.555.184	889.323.718

1172
NG T
HIỆM HỮ
U TƯ
NH KẾ
HIỆM T
IA NA
P.HỒ

C.P.
G.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	Năm nay	Năm trước
	1.682.709.750.359	186.434.662.642

04. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

	Năm nay	Năm trước
	389.512.667.252	195.615.392.964

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm trước	Thu phí trạm BOT	Xây lắp	Dịch vụ trung chuyển	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.480.675.378	21.274.175.001	194.719.934.690	394.699.088.808		
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.480.675.378	21.274.175.001	194.719.934.690	394.699.088.808		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				33.794.707.728		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(20.872.830.578)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.921.877.150		
Doanh thu hoạt động tài chính				11.369.791.786		
Chi phí tài chính				(8.574.896.989)		
Thu nhập khác				113.874.503		
Chi phí khác				(849.457.552)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.806.732.249)		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				13.174.456.649		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				111.059.289		
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				21.513.249.758		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận (tiếp theo) a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh	Năm nay	Thu phí trạm BOT	Xây lắp	Dịch vụ trung chuyển	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	278.257.488.181	44.565.656.257	20.796.300.000	108.869.772.116	24.608.808.912	477.098.025.466	
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.257.488.181	44.565.656.257	20.796.300.000	108.869.772.116	24.608.808.912	477.098.025.466	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	168.810.425.305	329.025.918	(1.044.218.345)	38.819.988.830	6.656.062.687	213.571.284.395	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	168.810.425.305	329.025.918	(1.044.218.345)	38.819.988.830	6.656.062.687	213.571.284.395	
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(58.119.760.452)	
Doanh thu hoạt động tài chính						8.165.852.133	
Chi phí tài chính						(247.129.676.579)	
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						5.909.835.033	
Thu nhập khác						240.378.303.926	
Chi phí khác						(4.694.486.035)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(2.473.947.351)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(564.092.582)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						155.043.312.488	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						784.896.775.618	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						47.436.904.975	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Dự án BOT		Vận hành, bảo dưỡng Hàm		Tổng cộng
	Xây lắp	Bất động sản đầu tư	Bất động sản đầu tư	Dịch vụ	
Tài sản bộ phận	41.834.993.668	8.362.670.271	3.672.677.537	14.147.313.933	68.017.655.409
Tài sản không phân bổ					292.493.964.545
Tổng tài sản	41.834.993.668	8.362.670.271	3.672.677.537	14.147.313.933	360.511.619.954
Nợ phải trả bộ phận	121.173.680.110		90.384.706.855		211.558.386.965
Nợ phải trả không phân bổ					47.405.876.647
Tổng nợ phải trả	121.173.680.110		90.384.706.855		258.964.263.612

	Dự án BOT		Vận hành, bảo dưỡng Hàm		Tổng cộng
	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Bất động sản đầu tư	Dịch vụ	
Tài sản bộ phận	8.894.369.571	7.928.640.442	1.568.084.315	12.974.997.440	29.443.835.959.220
Tài sản không phân bổ					560.252.166.184
Tổng tài sản	8.894.369.571	7.928.640.442	1.568.084.315	12.974.997.440	30.004.088.125.404
Nợ phải trả bộ phận	80.956.191.003		153.188.678.576		22.535.727.773.445
Nợ phải trả không phân bổ					484.796.667.476
Tổng nợ phải trả	80.956.191.003		153.188.678.576		23.020.524.440.921

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

	Bắc Giang Lạng Sơn		Đà Nẵng	Phú Yên	Địa bàn khác	Tổng cộng
	Năm trước	Huế				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	66.550.785.997	327.436.973.720	711.329.091			394.699.088.808
Tài sản bộ phận						360.511.619.954
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						111.059.289



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm nay	Bắc Giang Lạng Sơn	Huế	Đà Nẵng	Phú Yên	Địa bàn khác	Tổng cộng	Giá trị số sách	
							31/12/2019	01/01/2019
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	45.016.487.269	69.021.806.367	64.980.495.799	183.289.673.635	114.789.562.396	477.098.025.466		
Tài sản bộ phận	10.051.176.529.147	1.276.556.189.584	2.831.155.471.210	15.845.199.935.463		30.004.088.125.404		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác								784.896.775.618
05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính								
a) Tài sản tài chính								
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>01/01/2019</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	812.490.759.442		3.157.627.456		812.490.759.442		3.157.627.456	
Phải thu khách hàng	42.930.027.808		41.912.189.793		42.930.027.808		41.912.189.793	
Trả trước cho người bán	575.712.943.344		2.574.133.995		575.712.943.344		2.574.133.995	
Các khoản phải thu khác	445.279.097.844		41.292.724.145		445.279.097.844		41.292.724.145	
Đầu tư tài chính dài hạn	376.232.381.816		91.283.120.000		376.232.381.816		91.283.120.000	
Cộng	2.252.645.210.254		180.219.795.389		2.252.645.210.254		180.219.795.389	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>01/01/2019</i>
b) Nợ phải trả tài chính								
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>01/01/2019</i>
Phải trả cho người bán	1.097.329.726.551		52.118.095.808		1.097.329.726.551		52.118.095.808	
Người mua trả tiền trước	13.671.606.067		34.747.474.786		13.671.606.067		34.747.474.786	
Vay và nợ	20.304.695.093.734		108.893.341.010		20.304.695.093.734		108.893.341.010	
Phải trả người lao động	12.777.915.177		7.985.629.368		12.777.915.177		7.985.629.368	
Các khoản phải trả khác	1.239.493.642.697		7.377.910.273		1.239.493.642.697		7.377.910.273	
Cộng	22.667.967.984.226		211.122.451.245		22.667.967.984.226		211.122.451.245	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	1.097.329.726.551			1.097.329.726.551
Người mua trả tiền trước	13.671.606.067			13.671.606.067
Vay và nợ	137.406.331.880	20.167.288.761.854		20.304.695.093.734
Chi phí phải trả	179.052.776.706			179.052.776.706
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.239.493.642.697			1.239.493.642.697
Cộng	2.666.954.083.901	20.167.288.761.854		22.834.242.845.755

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.



5
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

08 . Số liệu so sánh

Vào ngày 27/09/2019 Công ty chính thức sở hữu các công ty con theo đó năm nay là kỳ đầu tiên Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính số đầu năm là số liệu trên báo cáo tài chính của công ty mẹ năm trước đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán số cuối kỳ là số liệu hợp nhất của công ty mẹ và các công ty con. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm nay là số liệu hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ và các Công ty con từ sau ngày mua với Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 09 tháng đầu năm của Công ty mẹ. Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty đã được kiểm toán.

Trong năm Công ty phát hiện các sai sót tại ngày lập Báo cáo tài chính năm 2018 và thực hiện điều chỉnh lại các ảnh hưởng tới chỉ tiêu đầu kỳ của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 như sau:

08 . Số liệu so sánh (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh 31/12/2018	Sau điều chỉnh 31/12/2018	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
TÀI SẢN				
1. Phải thu ngắn hạn khác	136		96.640.000	96.640.000
NGUỒN VỐN				
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(96.640.000)		96.640.000
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71 / 70	1662	1660	(2)

Nguyên nhân điều chỉnh hồi tố:

(1),(2) Tăng chỉ tiêu "Phải thu khác" mã số 136 số tiền 96.640.000 đồng, giảm chỉ tiêu giảm chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" mã số 415 số tiền 96.640.000 đồng do Công ty mới chi tạm ứng cho nhân viên nghỉ việc để mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên này nhưng chưa thực hiện sang tên cổ phiếu cho Công ty.

(3) Lãi cơ bản trên cổ phiếu điều chỉnh giảm 2 đồng do lỗi đánh máy.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THIÊN HOÀNG

NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

<i>Bên liên quan</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị giao dịch (VND)</i>
+ Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	- Mua cổ phần	18.000.000.000

- Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

<i>Bên liên quan</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Các khoản phải thu (VND)</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			306.000.000	
Tiền lương			1.203.555.184	1.253.323.718

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch Hội đồng
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn
- Công ty cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông
- Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	Cổ đông lớn
- Công ty cổ phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Nam
- Công Ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

PHỤ LỤC I: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty con

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	63,40%	63,40%	(55.074.136.316)	(55.074.136.316)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	60,12%	60,12%	(243.615.185.034)	(539.224.408.168)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	(21.984.406.061)	(21.984.406.061)

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	2.156.944.213	7.989.711.819
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	46,01%	50,00%	51.077.860.290	58.095.454.485
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	22,17%	22,17%	6.911.563	6.911.563

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Nghiệp vụ với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê tài sản	3.636.363.635
		Doanh thu cho thuê thiết bị, văn phòng	284.750.733
		Doanh thu nước uống đóng chai	10.239.090
		Doanh thu bán tài sản	34.979.761.344
		Chi phí mua vật tư thi công	11.571.127.006



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên liên quan phát sinh trong kỳ (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng đường bộ Đầu tư dài hạn	7.425.319.091 122.000.000.000
+ Công Ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	Đầu tư dài hạn	94.000.000.000
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp Doanh thu sản xuất neo Doanh thu khác(sản phẩm cơ khí,...) Chi phí vé máy bay	25.613.433.643 2.627.730.907 2.604.887.068 583.469.495
		Chi phí cung cấp công nghệ thông tin	924.000.000
		Cho Công ty Vay tiền	271.800.000.000
		Tiền lãi vay	1.939.993.151
		Thanh toán tiền lãi vay	894.863.014
		Trả nợ gốc vay	55.000.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	914.081.250.000
+ Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	882.303.650.000
+ Công ty cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	122.000.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	Cổ đông	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	108.331.000.000
		Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty UDIC cho Cty Hà Thành	77.783.120.000
		Thanh toán tiền mua cổ phần của Cty UDIC	28.700.000.000
+ Công ty cổ phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	164.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty con

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	Đơn vị tính: VND
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	63,40%	63,40%	(55.074.136.316)	(55.074.136.316)	
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	60,12%	60,12%	(243.615.185.034)	(539.224.408.168)	
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	(21.984.406.061)	(21.984.406.061)	

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	Đơn vị tính: VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	2.156.944.213	7.989.711.819	
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	46,01%	50,00%	51.077.860.290	58.095.454.485	
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	22,17%	22,17%	6.911.563	6.911.563	

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Nghiệp vụ với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê tài sản	3.636.363.635
		Doanh thu cho thuê thiết bị, văn phòng	284.750.733
		Doanh thu nước uống đóng chai	10.239.090
		Doanh thu bán tài sản	34.979.761.344
		Chi phí mua vật tư thi công	11.571.127.006



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên liên quan phát sinh trong kỳ (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<i>Giá trị giao dịch (VND)</i>
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng đường bộ	7.425.319.091
		Đầu tư dài hạn	122.000.000.000
+ Công Ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	Đầu tư dài hạn	94.000.000.000
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Doanh thu xây lắp	25.613.433.643
		Doanh thu sản xuất neo	2.627.730.907
		Doanh thu khác(sản phẩm cơ khí,...)	2.604.887.068
		Chi phí vé máy bay	583.469.495
		Chi phí cung cấp công nghệ thông tin	924.000.000
		Cho Công ty Vay tiền	271.800.000.000
		Tiền lãi vay	1.939.993.151
		Thanh toán tiền lãi vay	894.863.014
		Trả nợ gốc vay	55.000.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	914.081.250.000
+ Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	882.303.650.000
+ Công ty cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	122.000.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	Cổ đông	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	108.331.000.000
		"Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty UDIC cho Cty Hà Thành	77.783.120.000
		Thanh toán tiền mua cổ phần của Cty UDIC	28.700.000.000
+ Công ty cổ phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn	Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	164.000.000.000



11/11/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm 2019

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên liên quan phát sinh trong kỳ (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Nam	Doanh thu cung cấp dịch vụ Cho Công ty vay tiền Tiền lãi		
Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:				
- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
+ Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	1.135.834.286	4.353.194.000
+ Công ty cổ phần đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường b	(267.496.000)	1.912.835.000
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải thu	(148.949.904)	(25.758.487.694)
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Đỗ Văn Nam	Phải thu cho thuê xe Phải thu cho thuê nhà Phải thu cung cấp dịch vụ Tổng cộng	373.204.252 478.800.000 1.177.559.900 2.029.564.152	1.418.017.671
- Các khoản phải thu khác bên liên quan:				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
+ Công ty CP ĐT TM Quốc tế Hà Thành	Cổ đồng lớn	Đặt cọc tiền góp vốn Phải thu tiền bán cổ phần Cty UDIC	173.300.000.000 49.083.120.000	

Đơn vị tính: VND

Giá trị giao dịch (VND)

4.673.904.096
 2.000.000.000
 38.219.178



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Các khoản phải trả bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	2.884.768.143	5.272.209.376
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải trả	779.553.495	194.171.000

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn với bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay	237.800.000.000 1.939.993.151	894863014

+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z

NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
của ông Đỗ Văn
Nam

2.000.000.000
38.219.178

Lưu ý: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và quy định pháp lý có liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

*Cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	14 - 59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là:

2.673.840.900.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cồ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
- Công ty Cổ phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	70,36%	70,36%	1.439.831.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	29,25%	29,25%	124.000.000.000



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08-08-2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08-08-2019	
Ông: Nguyễn Xuân Hường	Phó chủ tịch	05-05-2017	17-06-2020
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05-04-2019	
Ông: Đỗ Văn Nam	Chủ tịch	16-11-2017	08-08-2019
Ông: Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	
Ông: Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	17-06-2020
Ông: Lưu Bá Hợp	Thành viên	05-05-2017	05-04-2019
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21-07-2015	
Ông: Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập	26-09-2016	17-06-2020
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	12-08-2016	05-04-2019
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17-06-2020	
Ông: Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17-06-2020	
Ông: Trần Chung	Thành viên	17-06-2020	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông:	Nguyễn Xuân Hường	Tổng giám đốc		10-01-2020
Ông:	Nguyễn Xuân Hường	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	17-06-2020
Ông:	Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng giám đốc	23-01-2017	17-04-2019
Ông:	Võ Cảnh Tinh	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	14-11-2019
Ông:	Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	17-06-2020
Ông :	Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10-12-2020	
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	08-05-2019	24-5-2019
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	21-12-2020
Ông:	Phạm Quốc Vượng	Phó Tổng giám đốc	24-05-2019	01-06-2020
Ông:	Lê Hồng Vũ	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	01-09-2020
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	
Ông:	Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14-01-2021	
Ông:	Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	09-01-2020	30-03-2021
Bà	Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30-03-2021	
Ông:	Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	15-10-2019	
Bà	Phạm Thị Huyền Trang	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	01-06-2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16-04-2018	
Ông:	Phạm Lê Huy	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông:	Lưu Tuấn Vũ	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông:	Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17-06-2020	26-04-2021
Bà	Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17-06-2020	
Bà	Phan Thị Mai	Thành viên	27-04-2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
Ông:	Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông:	Nguyễn Xuân Hường	Tổng Giám đốc	20-10-2017	09-01-2020
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	

Kế toán trưởng:

Ông:	An Văn Thiện		05-04-2019	17-06-2020
Ông:	Nguyễn Văn Ân			05-04-2019
Ông:	Nguyễn Văn Ân		17-06-2020	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



NGUYỄN QUANG HUY

Số: 475/BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021 từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại thay thế cho báo cáo kiểm toán số 393/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả theo văn bản yêu cầu số 257/2021/CVDII ngày 02/07/2021 của công ty về việc yêu cầu phát hành lại báo cáo kiểm toán riêng cho năm tài chính 2020 đã phát hành. Báo cáo số 393/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021 không còn giá trị, việc sử dụng báo cáo kiểm toán số 393/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021 dưới bất kỳ hình thức nào sẽ thuộc trách nhiệm của đơn vị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



ĐÌNH THẾ ĐƯỜNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0342-2018-142

Kiểm toán viên

ĐẶNG TÙNG HÙNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1

01172
CÔNG T
NHIỆM H
VỤ TƯ
NH KẾ
KIỂM T
IÁ NAM
P.HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		623.388.235.981	538.853.911.320
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	76.734.825.238	9.484.547.074
111	1. Tiền		7.734.825.238	3.484.547.074
112	2. Các khoản tương đương tiền		69.000.000.000	6.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		450.709.629.222	422.544.515.422
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	288.399.822.070	129.780.042.432
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	9.706.806.018	2.682.715.879
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05		
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	165.975.402.365	303.396.158.342
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(13.372.401.231)	(13.314.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	94.753.058.598	106.130.596.897
141	1. Hàng tồn kho		94.753.058.598	106.130.596.897
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.190.722.923	694.251.927
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	1.190.722.923	694.251.927
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15		
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.924.984.488.743	2.292.301.559.890
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		48.078.973.192	51.542.209.668
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	47.512.240.695	50.962.596.083
222	- Nguyên giá		122.523.366.282	125.677.041.156
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(75.011.125.587)	(74.714.445.073)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	566.732.497	579.613.585
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(96.560.137)	(83.679.049)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.09		497.762.553
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			497.762.553
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	2.875.965.900.000	2.238.215.900.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.614.465.900.000	2.006.715.900.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		259.500.000.000	229.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		939.615.551	2.045.687.669
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	939.615.551	2.045.687.669
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.548.372.724.724	2.831.155.471.210



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
300	C . NỢ PHẢI TRẢ		808.557.778.549	533.985.695.693
310	I. Nợ ngắn hạn		703.587.938.115	294.127.362.359
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	166.742.868.656	104.254.218.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	108.803.239.940	13.671.606.067
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	14.348.884.546	6.011.764.408
314	4. Phải trả người lao động		11.253.522.652	7.522.165.361
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	28.118.597.627	17.031.908.192
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	34.020.233.167	9.717.695.417
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	338.556.294.808	134.806.331.880
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.111.672.075
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		104.969.840.434	239.858.333.334
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	10.211.507.100	
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	94.758.333.334	239.858.333.334
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

1172
 NG T
 HIỆM HƯ
 U TU
 NH KẾ
 HEM T
 IA NA
 (P.HỒ)

N. Q
 Đ
 G
 TIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	2.739.814.946.175	2.297.169.775.517
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.739.814.946.175	2.297.169.775.517
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.851.321.687	3.200.097.043
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.330.724.488	23.878.778.474
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		20.548.196.488	7.656.212.035
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		40.782.528.000	16.222.566.439
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>3.548.372.724.724</u>	<u>2.831.155.471.210</u>



Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Người lập biểu

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	544.763.273.947	345.637.714.092
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		544.763.273.947	345.637.714.092
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	477.337.289.996	308.780.185.700
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.425.983.951	36.857.528.392
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	28.620.814.527	8.631.010.269
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	29.789.067.552	6.703.615.330
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		29.789.067.552	6.703.615.330
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	20.863.981.680	16.011.654.305
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.393.749.246	22.773.269.026
31	11. Thu nhập khác	VI.06	324.320.371	15.605.497
32	12. Chi phí khác	VI.07	333.651.011	3.802.680.733
40	13. Lợi nhuận khác		(9.330.640)	(3.787.075.236)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.384.418.606	18.986.193.790
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	4.601.890.606	2.473.947.351
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.782.528.000	16.512.246.439

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN AN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		45.384.418.606	18.986.193.790
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		6.579.604.547	8.172.179.853
03	- Các khoản dự phòng		58.000.000	(1.261.690.343)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(28.620.814.527)		(8.631.010.269)
06	- Chi phí lãi vay	29.789.067.552		6.703.615.330
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.190.276.178	23.969.288.361
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(74.946.133.175)		(174.893.954.384)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	11.377.538.299		(30.044.173.507)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	615.642.709.195		(93.433.392.661)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	609.601.122		3.766.639.435
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả	(29.789.067.552)		(6.703.615.330)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.295.676.727)		(1.225.002.871)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	632.624.644		613.414.505
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		574.421.871.984	(277.950.796.452)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.143.673.094)		(886.594.267)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	408.181.819		38.477.737.480
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị			(14.127.480.016)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(639.790.000.000)		(32.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	49.083.120.000		28.700.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28.620.814.527		8.631.010.269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(565.821.556.748)	28.794.673.466

1172
 NG T
 HIEM HU
 U TU
 H KẾ
 EM TO
 A NAI
 P HỒ

96
 FY
 IN
 TA
 ON
 A
 11/5

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		921.335.901.434	512.489.629.997
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(862.685.938.506)	(246.718.305.793)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(10.288.281.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		58.649.962.928	255.483.042.604
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		67.250.278.164	6.326.919.618
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.484.547.074	3.157.627.456
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		76.734.825.238	9.484.547.074

Ghi chú: Thông tin trình bày bổ sung các giao dịch góp vốn của chủ sở hữu không ảnh hưởng đến dòng tiền góp vốn trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm.

Ghi chú (*): Đây là khoản vốn góp tăng trong năm được Công ty thực hiện phát hành cổ phần riêng lẻ theo Nghị quyết 03/2020/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 16/06/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ, Biên bản họp số 13/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 05/08/2020 và hợp đồng mua bán số 01/2020/HĐMBCP/DII giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả và Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT. Theo đó Công ty đã phát hành 40.375.000 cổ phiếu với giá trị 403.750.000.000 đồng để hoàn trả khoản nợ 403.750.000.000 đồng cho Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN AN

NGUYỄN QUANG HUY



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con : 03

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất : 03

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành- P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	63,40%	65,58%	63,40%
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh- Phường Tân Định-Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	70,36%	60,12%	70,36%	60,12%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Danh sách công ty con (tiếp theo):

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Tứ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	47,04%	46,01%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	29,25%	22,17%	29,25%	22,17%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 11 ngày 28/07/2020, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020: 1.375.836.000.000 VND

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm Cổ Mã và đường dẫn, hầm Đèo Cả, hầm Hải Vân, hầm Cù Mông tại tỉnh Phú Yên

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000	VNĐ
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020:	2.046.250.000.000	VNĐ

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 8 ngày 12/08/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.172.000.000	VNĐ
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020:	273.786.000.000	VNĐ

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

1 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 11 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là:	61.500.000.000	VNĐ
---	----------------	-----

2 Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

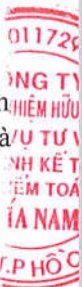
Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VNĐ
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020:	305.000.000.000	VNĐ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

3 Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 8.743.000.000.000 VND

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020: 424.000.000.000 VND

Tại ngày 31/12/2020 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lấp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

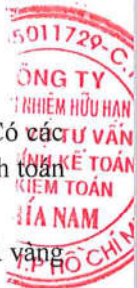
+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

12 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

15 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

16 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

17 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.



11/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

21 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

22 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



11729-C.T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tiền mặt	123.123.405	133.948.434
- VND	123.123.405	133.948.434
Tiền gửi không kỳ hạn	7.611.701.833	3.350.598.640
- Tiền gửi (VND)	7.611.701.833	3.350.598.640
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	69.000.000.000	6.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	69.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u><u>76.734.825.238</u></u>	<u><u>9.484.547.074</u></u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- b1) Ngắn hạn
b2) Dài hạn
- Trái phiếu

Cộng

- c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn (*)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả (*)
- Công ty Cổ phần Phước Tương Phú Gia BOT (*)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (*)
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị (*)

Cộng

Ghi chú:

(*): Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
		Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
	2.614.465.900.000		2.006.715.900.000	
	902.303.650.000		820.303.650.000	
	1.439.831.250.000		914.081.250.000	
	272.331.000.000		272.331.000.000	
	259.500.000.000		229.500.000.000	
	13.500.000.000		13.500.000.000	
	122.000.000.000		122.000.000.000	
	124.000.000.000		94.000.000.000	
	2.873.965.900.000		2.236.215.900.000	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

03 . PHÁI THU KHÁCH HÀNG

31/12/2020

01/01/2020

	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn	11.035.892.482	288.399.822.070	11.035.892.482	129.780.042.432
Bên khác	11.035.892.482	18.012.229.520	11.035.892.482	20.064.895.171
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	5.082.418.376	5.082.418.376	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty TNHH An Bình	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty CP XD GT Quảng Nam - HLM	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	356.880.000	356.880.000	356.880.000	356.880.000
Công ty CP XD Cầu đường 19-(CTLĐ XD 5 ống cống Đák Hà)	402.079.364	402.079.364	402.079.364	402.079.364
Công ty CP XD Cầu đường 19 - (CT LD XD ĐB 5)	341.358.000	341.358.000	341.358.000	341.358.000
Công ty CP XD Cầu đường 19-(Xí nghiệp 52 CT LD XD ĐB 5)	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN				54.395.000
Công Ty TNHH T.B.I				328.150.000
Công ty CP Đầu tư XD Thương Mại Tân Hoàng Long		207.991.080		207.991.080
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại và Dịch Vụ Thành Lộc				723.699.650
Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Đèo Cả 368	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
XN đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ		1.402.440.000		
Công ty CP Đầu tư giao dực PT công nghệ năng lượng Việt Nam	680.060.179	963.547.761	680.060.179	1.159.336.204
Đối tượng khác		270.387.592.550		109.715.147.261
Bên liên quan		2.794.496.852		2.029.564.152
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z		1.324.856.876		1.135.834.286
Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

	31/12/2020	01/01/2020	
Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	348.000.000		1.329.954.199
Công Ty Cổ Phần Phước Tương Phú Gia BOT	57.155.927.220		4.839.299.850
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	21.821.245.712		2.385.556.925
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	2.358.205.811		
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	184.404.860.079		97.994.937.849
Công Ty Cổ Phần Bot Trung Lương-Mỹ Thuận	180.000.000		

b) Dài hạn

Cộng 11.035.892.482 288.399.822.070 11.035.892.482 129.780.042.432

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020	
Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	9.706.806.018	1.245.951.913	2.682.715.879
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	180.000.000	108.000.000	180.000.000
Công ty CP Pacific Dinco	673.571.100	673.571.100	673.571.100
Công Ty Cổ Phần Tô Chức Sự Kiện Và Du Lịch Gala Việt	6.300.000	20.300.000	20.300.000
Công ty CP XD & TM Si - Li - Cat	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181.774.313	181.774.313	181.774.313
Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam	150.000.000	150.000.000	966.000.000
Hợp tác xã ô tô Liên Chiểu	2.475.000	2.475.000	132.289.000
Công ty CP truyền thông TECHCUBE	2.331.500	2.331.500	2.475.000
Công ty CP Phúc Lộc Viên	44.000.000	44.000.000	2.331.500
Công Ty CP XD giao thông Quảng Nam	2.500.000	2.500.000	44.000.000
Lê Văn Luật	6.000.000	2.500.000	2.500.000
Trần Văn Tuyền	6.000.000	6.000.000	6.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn		6.500.000.000		
Công ty TNHH MTV Minh Đạt		200.000.000		
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic		250.000.000		
Đối tượng khác		1.470.565.105		264.201.966
b) Dài hạn				
Cộng	1.303.951.913	9.706.806.018	1.245.951.913	2.682.715.879

06 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
Tạm ứng	6.532.842.735	159.523.000	1.919.342.146	159.523.000
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	100.000.000		
Phải thu khác	159.342.559.630	873.033.836	301.376.816.196	873.033.836
Bên khác	35.564.257.848	873.033.836	1.011.471.414	873.033.836
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	34.591.230.587	21.520.587		
+ Cục QL đường bộ III	837.818.000	837.818.000		837.818.000
+ Phạm Đình Nam	3.817.479	3.817.479		3.817.479
+ Đối tượng khác	131.391.782	31.398.357	148.315.348	31.398.357
Bên liên quan	123.778.301.782	300.365.344.782		
+ Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	55.300.000.000	41.500.000.000		
+ Công ty cổ phần Đầu tư TM Quốc Tế Hà Thành		49.083.120.000		
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà	32.000.000.000	173.300.000.000		
+ Công ty CP Đầu tư Đèo Cà- Bao hành công trình	36.478.301.782	36.482.224.782		
b) Dài hạn				
Cộng	165.975.402.365	1.032.556.836	1.032.556.836	1.032.556.836

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

07 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2020	01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.555.660.494	1.183.259.263	14.623.660.494	1.309.259.263
+ Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529		5.159.490.529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533		3.399.652.533	
+ Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
+ Đối tượng khác	5.322.946.332	509.688.163	5.390.946.332	635.688.163
- Phải thu cho vay				
Cộng	14.555.660.494	1.183.259.263	14.623.660.494	1.309.259.263

08 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.027.348.465		6.093.935.832	
- Công cụ, dụng cụ	259.142.127		339.973.771	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.466.568.006		99.696.687.294	
Cộng	94.753.058.598		106.130.596.897	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

09 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Xây dựng cơ bản		497.762.553
Cộng		497.762.553

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

10	TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác
Cộng		
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	44.814.735.453	24.177.916.448
2. Số tăng trong năm	497.762.553	1.250.000.273
- Mua trong năm	497.762.553	1.250.000.273
- Tăng khác		
3. Số giảm trong năm	3.695.439.372	3.695.439.372
- Thanh lý, nhượng bán	3.695.439.372	3.695.439.372
- Giảm khác		
4. Số dư cuối năm	45.312.498.006	21.732.477.349
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	14.471.592.792	15.820.414.066
2. Khấu hao trong năm	1.907.709.968	2.004.412.693
- Khấu hao trong năm	1.907.709.968	2.004.412.693
- Tăng khác		
3. Giảm trong năm	3.610.759.190	3.610.759.190
- Thanh lý, nhượng bán	3.610.759.190	3.610.759.190
- Giảm khác		
4. Số dư cuối năm	16.379.302.760	14.214.067.569
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	30.343.142.661	8.357.502.382
2. Tại ngày cuối năm	28.933.195.246	7.518.409.780

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 14.538.288.036 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.888.032.976 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	618.292.634		45.000.000		663.292.634
2. Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
3. Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	618.292.634		45.000.000		663.292.634
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	38.679.049		45.000.000		83.679.049
2. Khấu hao trong năm	12.881.088				12.881.088
- Khấu hao trong năm	12.881.088				12.881.088
- Tặng khác					
3. Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	51.560.137		45.000.000		96.560.137
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	579.613.585				579.613.585
2. Tại ngày cuối năm	566.732.497				566.732.497

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 566.732.497 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 45.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020	01/01/2020
12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	1.190.722.923	694.251.927
a) Ngắn hạn	936.823.258	151.324.406
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	253.899.665	542.927.521
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe		
Các khoản khác		
b) Dài hạn	939.615.551	2.045.687.669
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.985.712	282.028.143
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	559.427.099	23.851.740
Các khoản khác	371.202.740	1.010.287.365
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		729.520.421
Cộng	2.130.338.474	2.739.939.596

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Trong năm			Số có khả năng trả nợ
	31/12/2020	Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn - VND	338.556.294.808	841.335.901.434	637.585.938.506	134.806.331.880
Bên khác	157.924.399.205	244.204.005.831	219.085.938.506	132.806.331.880
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	154.154.979.516	244.204.005.831	218.997.469.135	128.948.442.820
- Cán bộ, công nhân viên	3.769.419.689		88.469.371	3.857.889.060
Bên liên quan	180.631.895.603	597.131.895.603	418.500.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP tập đoàn Đèo Cả	178.631.895.603	303.131.895.603	124.500.000.000	128.948.442.820
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z			2.000.000.000	3.857.889.060
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc		92.000.000.000		2.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	2.000.000.000	202.000.000.000	200.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	338.556.294.808	841.335.901.434	637.585.938.506	134.806.331.880



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2020 như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	- HĐTD số 01/2019-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 05/09/2019; HĐ tín dụng số 01/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe oto, GCNQSD nhà tại căn hộ Plaza, GCNQSD đất tại 27 Bùi Chát
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐTD số 02/2019-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 05/09/2019. '- HĐ tín dụng số 02/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	HĐTD số 0201/2020 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng AZZ	HĐTD số 30.07/2019/DII-AZZ ngày 30/7/2019, PLHĐ	2.000.000.000	24 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch.	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2020

b) Vay dài hạn	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Trên 1 năm đến 5 năm	94.758.333.334	94.758.333.334	174.000.000.000	319.100.000.000	239.858.333.334
Bên khác	758.333.334	758.333.334		1.300.000.000	2.058.333.334
- Vay dài hạn mua 3 chung cư	758.333.334	758.333.334		1.300.000.000	2.058.333.334
Bên liên quan	94.000.000.000	94.000.000.000	174.000.000.000	317.800.000.000	237.800.000.000
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng AZZ	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	92.000.000.000	92.000.000.000		
Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cá			80.000.000.000	317.800.000.000	237.800.000.000
Cộng	94.758.333.334	94.758.333.334	174.000.000.000	319.100.000.000	239.858.333.334

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên khác	166.742.868.656	166.742.868.656	104.254.218.959	104.254.218.959
Công ty TNHH MTV xây dựng 99	116.545.094.114	116.545.094.114	92.987.245.413	92.987.245.413
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	652.980.334	652.980.334	1.707.015.145	1.707.015.145
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đường Việt	412.000.000	412.000.000	1.556.765.000	1.556.765.000
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng Ánh Lộc			88.307.200	88.307.200
Công ty CP XD TN điện & trang trí nội thất EMTC3	4.345.700.000	4.345.700.000	9.995.700.000	9.995.700.000
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	15.344.365.177	15.344.365.177	11.867.731.900	11.867.731.900
Công ty TNHH kỹ thuật kiểm định hiệu chỉnh Toàn Cầu	14.733.684.000	14.733.684.000	6.542.230.000	6.542.230.000
Công ty CP xây dựng Đại Thành	28.260.801.916	28.260.801.916	9.842.852.000	9.842.852.000
Công ty xăng dầu Tiền Giang	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010
Phải trả cho các đối tượng khác	656.002.154	656.002.154	2.078.619.884	2.078.619.884
	48.764.427.523	48.764.427.523	45.932.891.274	45.932.891.274



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên liên quan	50.197.774.542	50.197.774.542	11.266.973.546	11.266.973.546
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ hậu cần Thăng Long - Đèo cả	14.074.704.300	14.074.704.300	6.959.950.800	6.959.950.800
Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	20.713.793.022	20.713.793.022	2.884.768.143	2.884.768.143
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	15.409.277.220	15.409.277.220	779.553.495	779.553.495
Công ty CP Tư vấn xây dựng Hoàng Long			642.701.108	642.701.108
b) Dài hạn				
Cộng	166.742.868.656	166.742.868.656	104.254.218.959	104.254.218.959

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	108.803.239.940	13.671.606.067	13.671.606.067	13.671.606.067
Bên khác	43.162.246.733	13.255.160.163	13.255.160.163	13.255.160.163
Công ty xăng dầu Bình Định	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP XD công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty CP XD và TM Nhật Thành	3.000.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000
Công ty xăng dầu khu vực V	2.475.005.925	3.000.000.000	2.475.005.925	3.000.000.000
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.587.489.000	2.587.489.000	2.587.489.000	2.587.489.000
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	30.603.930.437	471.843.867	471.843.867	471.843.867
Đối tượng khác	65.640.993.207	416.445.904	416.445.904	416.445.904
Bên liên quan	65.640.993.207	148.949.904	148.949.904	148.949.904
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả		267.496.000		267.496.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa				
b) Dài hạn	10.211.507.100		10.211.507.100	
Bên liên quan	10.211.507.100		10.211.507.100	
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	10.211.507.100		10.211.507.100	
Cộng	119.014.747.040	13.671.606.067	13.671.606.067	13.671.606.067

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải trả	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Số cuối năm	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.295.676.729	2.295.676.729	4.601.890.606	2.295.676.727		4.601.890.608	4.601.890.608
Thuế thu nhập cá nhân	80.367.488	80.367.488	305.308.573	143.759.066		241.916.995	241.916.995
Thuế GTGT	3.635.720.191	3.635.720.191	22.207.846.287	16.338.489.535		9.505.076.943	9.505.076.943
Thuế tài nguyên			828.285.423	828.285.423			
Thuế nhà đất, tiền thuế đất			921.212.685	921.212.685			
Thuế khác			401.686.478	401.686.478			
Cộng	6.011.764.408	6.011.764.408	29.266.230.052	20.929.109.914		14.348.884.546	14.348.884.546

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	28.118.597.627	17.031.908.192
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	24.106.146.737	17.031.908.192
Trích trước lãi vay ngân hàng	206.670.702	
Trích trước chi phí gói thầu Dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	3.805.780.188	
b) Dài hạn		
Cộng	28.118.597.627	17.031.908.192

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	34.020.233.167	9.717.695.417
Kinh phí công đoàn	1.160.774.965	481.522.385
Bảo hiểm thất nghiệp		
Quỹ ủng hộ	418.533.926	620.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	153.292.087	145.529.018
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.287.632.189	8.470.110.088
<i>Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.606.087.366</i>	<i>1.650.429.936</i>
<i>Lãi huy động vốn CBCNV</i>	<i>985.261.120</i>	<i>943.746.484</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>29.696.283.703</i>	<i>5.875.933.668</i>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Cộng	34.020.233.167	9.717.695.417

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



1/1/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TĂNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	79.375.000.000	(289.680.000)	1.882.651.379	20.579.384.963	101.547.356.342
Tăng vốn trong năm trước	2.190.715.900.000				2.190.715.900.000
Lãi trong năm trước				16.512.246.439	16.512.246.439
Tăng do trích lập từ lợi nhuận			1.317.445.664		1.317.445.664
Giảm vốn trong năm trước					
Trích quỹ từ lợi nhuận				(2.634.891.328)	(2.634.891.328)
Lỗ trong năm trước				(10.288.281.600)	(10.288.281.600)
Chia cổ tức				(289.680.000)	
Giảm khác		289.680.000			
Số dư đầu năm nay	2.270.090.900.000	3.200.097.043	3.200.097.043	23.878.778.474	2.297.169.775.517
Tăng vốn trong năm nay (*)	403.750.000.000				403.750.000.000
Lãi trong năm nay				40.782.528.000	40.782.528.000
Tăng do trích từ lợi nhuận			1.651.224.644		1.651.224.644
Trích quỹ đầu tư phát triển				(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Chia cổ tức					
Giảm khác		(208.000.000)		(28.132.698)	(236.132.698)
Số dư cuối năm nay	2.673.840.900.000	(208.000.000)	4.851.321.687	61.330.724.488	2.739.814.946.175

Ghi chú (*): Đây là khoản vốn góp tăng trong năm được Công ty thực hiện phát hành cổ phần riêng lẻ theo Nghị quyết 03/2020 NQ - ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 16/06/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ, Biên bản họp số 13/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 05/08/2020 và hợp đồng mua bán số 01/2020/HĐMBCP/DII giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tăng giao thông Đèo Cả và Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT.

Theo đó Công ty đã phát hành 40.375.000 cổ phiếu với giá trị 403.750.000.000 đồng để hoàn trả Khoản nợ 403.750.000.000 đồng cho Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

19 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	%	01/01/2020	%
Vốn góp của công ty mẹ	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,67%
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả (*)	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,67%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.635.948.350.000	98,58%	2.232.198.350.000	98,33%
- Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,67%	18.000.000.000	0,79%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	1.317.831.250.000	49,29%	914.081.250.000	40,27%
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	882.303.650.000	33,00%	882.303.650.000	38,87%
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	122.000.000.000	4,56%	122.000.000.000	5,37%
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	108.331.000.000	4,05%	108.331.000.000	4,77%
- Công ty CP BOT Hưng Phát	164.000.000.000	6,13%	164.000.000.000	7,22%
- Vốn góp của các đối tượng khác	23.482.450.000	0,88%	23.482.450.000	1,03%
Cộng	2.673.840.900.000	100,00%	2.270.090.900.000	100,00%

(*) Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
- Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cả	1,42%	1,42%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	73,56%	92,47%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	43,14%	49,29%
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	20,56%	33,00%
- Công ty CP Đầu tư TM Quốc tế Hà Thành	4,03%	4,05%
- Công ty CP BOT Hưng Phát	5,83%	6,13%
Cộng	74,98%	93,89%

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.270.090.900.000	79.375.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	403.750.000.000	2.190.715.900.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		10.288.281.600

19 . 4. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	227.009.090
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	227.009.090
- Cổ phiếu phổ thông	267.384.090	227.009.090
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

19 . 5. Các quỹ của công ty:

	31/12/2020	01/01/2020
Quỹ đầu tư phát triển	4.851.321.687	3.200.097.043
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	544.763.273.947	345.637.714.092
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	273.882.087.781	222.670.410.625
Doanh thu hoạt động xây lắp	191.579.031.010	77.562.194.554
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	12.256.638.637	20.703.813.635
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.664.914.551	599.435.000
Doanh thu vận hành trạm thu phí	57.490.029.421	
Doanh thu khác	4.890.572.547	24.101.860.278
Tổng cộng	544.763.273.947	345.637.714.092
<i>Trong đó, doanh thu với bên liên quan:</i>	<i>479.053.785.424</i>	<i>313.823.262.981</i>
<i>Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường</i>	<i>273.882.087.781</i>	<i>220.079.872.443</i>
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>139.269.989.215</i>	<i>77.562.194.554</i>
<i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>4.664.914.551</i>	<i>599.435.000</i>
<i>Doanh thu vận hành trạm thu phí</i>	<i>57.490.029.421</i>	
<i>Doanh thu khác</i>	<i>3.746.764.456</i>	<i>15.581.760.984</i>

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	200.818.532.766	191.090.774.821
Giá vốn hoạt động xây lắp	203.801.514.683	79.148.361.430
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	15.611.765.591	19.384.153.345
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	2.134.302.804	614.902.607
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	46.540.260.538	
Giá vốn khác	8.430.913.614	18.541.993.497
Cộng	477.337.289.996	308.780.185.700

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	487.913.600	653.023.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.132.900.927	7.977.986.829
Lãi chênh lệch tỷ giá		
Cộng	28.620.814.527	8.631.010.269

04. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	29.789.067.552	6.703.615.330
Cộng	29.789.067.552	6.703.615.330



T
R
Á
C
H
C
T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
05 . 1. Chi phí bán hàng		
05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên, vật liệu	39.912.504	25.344.372
Chi phí công cụ, dụng cụ	160.370.815	354.448.889
Chi phí nhân công	10.271.254.173	8.292.896.492
Chi phí khấu hao	1.747.966.326	1.536.314.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.778.325.115	1.525.254.527
Thuế, phí, lệ phí	9.000.000	4.020.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.000.000	947.953.152
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(14.000.000)	(2.209.643.495)
Các khoản chi phí khác	6.799.152.747	5.535.065.813
Cộng	20.863.981.680	16.011.654.305

06 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	315.158.532	
Các khoản khác	9.161.839	15.605.497
Cộng	324.320.371	15.605.497

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		3.421.619.485
Các khoản tiền chậm nộp	268.076.549	372.810.783
Các khoản khác	65.574.462	8.250.465
Cộng	333.651.011	3.802.680.733

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.524.348.003	98.877.296.461
Chi phí nhân công	222.307.443.718	155.478.279.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.953.762.941	7.732.699.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.204.231.403	57.342.116.192
Chi phí khác bằng tiền	85.926.837.425	7.604.037.294
Cộng	482.916.623.490	327.034.429.494

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.601.890.606	2.295.676.729
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		178.270.622
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.601.890.606	2.473.947.351

501172
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM TOÁN
HÀ NỘI
T.P.HỒ

35
Y
N
T
N
G
A
Đ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

10 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	748.500.000	306.000.000
Tiền lương	1.209.435.596	1.203.555.184

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

01 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

02 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	921.335.901.434	512.489.629.997

03 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	862.685.938.506	246.718.305.793

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm trước	Bán hàng khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	Vận hành trạm thu phí	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.101.860.278	20.703.813.635	599.435.000	222.670.410.625		77.562.194.554	345.637.714.092
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.101.860.278	20.703.813.635	599.435.000	222.670.410.625		77.562.194.554	345.637.714.092
Kết quả kinh doanh theo bộ phận							36.857.528.392
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(16.011.654.305)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							20.845.874.087
Doanh thu hoạt động tài chính							8.631.010.269
Chi phí tài chính							(6.703.615.330)
Thu nhập khác							15.605.497
Chi phí khác							(3.802.680.733)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(2.473.947.351)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							16.512.246.439
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							886.594.267
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							9.273.389.223



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)							
Năm nay	Bán hàng khác	Dịch vụ trung chuyên	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng	Vận hành trạm thu phí	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.890.572.547	12.256.638.637	4.664.914.551	273.882.087.781	57.490.029.421	191.579.031.010	544.763.273.947
bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.890.572.547	12.256.638.637	4.664.914.551	273.882.087.781	57.490.029.421	191.579.031.010	544.763.273.947
Kết quả kinh doanh theo bộ phận							67.425.983.951
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(20.863.981.680)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							46.562.002.271
Doanh thu hoạt động tài chính							28.620.814.527
Chi phí tài chính							(29.789.067.552)
Thu nhập khác							324.320.371
Chi phí khác							(333.651.011)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(4.601.890.606)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							40.782.528.000
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(4.143.673.094)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							6.889.166.149
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh							
				Hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	Vận hành trạm thu phí	Xây lắp	Tổng cộng
01/01/2020	Bán hàng khác	Dịch vụ trung chuyên	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	Vận hành trạm thu phí	Xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	20.176.117.900	12.974.997.440	7.928.640.442	1.568.084.315		8.894.369.571	51.542.209.668
Tài sản không phân bổ							2.779.613.261.542
Tổng tài sản	20.176.117.900	12.974.997.440	7.928.640.442	1.568.084.315		8.894.369.571	2.831.155.471.210
Nợ phải trả bộ phận				153.188.678.576		80.956.191.003	234.144.869.579
Nợ phải trả không phân bổ							299.840.826.114
Tổng nợ phải trả				153.188.678.576		80.956.191.003	533.985.695.693

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

31/12/2020	Bán hàng khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	Vận hành trạm thu phí	Xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	18.200.668.612	13.014.731.404	7.590.950.704	1.305.536.361	257.253.285	7.709.832.826	48.078.973.192
Tài sản không phân bổ							3.500.293.751.532
Tổng tài sản	18.200.668.612	13.014.731.404	7.590.950.704	1.305.536.361	257.253.285	7.709.832.826	3.548.372.724.724
Nợ phải trả bộ phận				248.903.276.058		117.462.661.034	366.365.937.092
Nợ phải trả không phân bổ							442.191.841.457
Tổng nợ phải trả				248.903.276.058		117.462.661.034	808.557.778.549

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm trước	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	211.777.672.605	19.070.479.091			114.789.562.396	345.637.714.092
Tài sản bộ phận						2.831.155.471.210
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						886.594.267
Năm nay	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	191.218.295.102	85.890.944.369	195.475.837.399	53.146.343.397	19.031.853.680	544.763.273.947
Tài sản bộ phận						3.548.372.724.724
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(4.143.673.094)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính	Giá trị số sách		Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020					31/12/2020	01/01/2020
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.734.825.238	9.484.547.074		76.734.825.238		9.484.547.074		
Phải thu khách hàng	288.399.822.070	11.035.892.482	11.035.892.482	288.399.822.070		118.744.149.950		
Trả trước cho người bán	9.706.806.018	1.303.951.913	2.682.715.879	9.706.806.018		1.436.763.966		
Các khoản phải thu khác	165.975.402.365	1.032.556.836	303.396.158.342	165.975.402.365		302.363.601.506		
Đầu tư tài chính dài hạn	2.875.965.900.000	2.238.215.900.000		2.875.965.900.000		2.238.215.900.000		
Cộng	3.416.782.755.691	13.372.401.231	2.683.559.363.727	3.416.782.755.691		2.670.244.962.496		

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách		Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020					31/12/2020	01/01/2020
Phải trả cho người bán	166.742.868.656	104.254.218.959		166.742.868.656		104.254.218.959		
Người mua trả tiền trước	119.014.747.040	13.671.606.067		119.014.747.040		13.671.606.067		
Vay và nợ	433.314.628.142	374.664.665.214		433.314.628.142		374.664.665.214		
Phải trả người lao động	11.253.522.652	7.522.165.361		11.253.522.652		7.522.165.361		
Các khoản phải trả khác	34.020.233.167	9.717.695.417		34.020.233.167		9.717.695.417		
Cộng	764.345.999.657	509.830.351.018		764.345.999.657		509.830.351.018		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị số sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	166.742.868.656		166.742.868.656
Người mua trả tiền trước	108.803.239.940	10.211.507.100	119.014.747.040
Vay và nợ	338.556.294.808	94.758.333.334	433.314.628.142
Chi phí phải trả	28.118.597.627		28.118.597.627
Các khoản phải trả phải nộp khác	34.020.233.167		34.020.233.167
Cộng	676.241.234.198	104.969.840.434	781.211.074.632

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		748.500.000	306.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	25.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch HĐQT	96.000.000	20.000.000
Đỗ Văn Nam	Thành viên HĐQT	27.500.000	50.000.000
Nguyễn Xuân Hương	Phó chủ tịch HĐQT	44.000.000	4.000.000
Trần Văn Thế	Phó chủ tịch HĐQT	96.000.000	45.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	60.000.000	36.000.000
Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập HĐQT	27.500.000	36.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên HĐQT	32.500.000	
Nguyễn Thanh Trang	Thành viên HĐQT	32.500.000	
Trần Chùng	Thành viên HĐQT	32.500.000	
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban kiểm soát	84.000.000	42.000.000
Ông Phạm Lê Huy	Thành viên BKS	22.000.000	24.000.000
Ông Lưu Tuấn Vũ	Thành viên BKS	22.000.000	24.000.000
Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên BKS	26.000.000	
Ông Đỗ Thế Vinh	Thành viên BKS	26.000.000	
Tiền lương		1.209.435.596	1.203.555.184
Nguyễn Quang Hưng	Phó tổng giám đốc		92.391.304
Nguyễn Xuân Hương	Phó tổng giám đốc	240.000.000	480.000.000
Lê Hồng Vũ	Phó tổng giám đốc	100.434.783	
Võ Ngọc Trung	Phó tổng giám đốc	176.500.000	215.000.000
Lê Châu Thắng	Phó tổng giám đốc	282.854.074	63.076.923
Lưu Tuấn Vũ	Ban kiểm soát	78.000.000	52.000.000
An Văn Thiện	Kế toán trưởng	142.391.304	216.304.348
Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	189.255.435	84.782.609



55
Y
N
T
Đ
N
A
P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan

- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa
- Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo cả
- Hồ Minh Hoàng
- Công ty cổ phần đầu tư Hải Thạch B.O.T
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành
- Công ty CP BOT Hưng Phát

Bên liên quan

- Công ty CP tư vấn XD A2Z
- Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long
- Công ty cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận

Mối quan hệ

- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty mẹ
- Chủ tịch HĐQT
- Cổ đông lớn
- Cổ đông lớn
- Cổ đông
- Cổ đông
- Cổ đông lớn

Mối quan hệ

- Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang
- Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang
- Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy
- Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:
- Công ty con

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	2.408.365.612	(52.665.770.704)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà	70,36%	70,36%	129.503.333.081	(409.721.075.087)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	5.767.953.441	(16.216.452.620)

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	130.499.027	8.154.519.957
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cà Khánh Hòa	47,04%	50,00%	105.591.456.198	143.686.910.683
- Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	29,25%	29,25%	1.797.419.086	1.804.330.649

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Đầu tư dài hạn	82.000.000.000
		Đặt cọc góp vốn	95.800.000.000
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	28.259.692.192
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	24.695.154.841



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo ca	Công ty con	Doanh thu hoạt động xây lắp Doanh thu vận hành trạm thu phí Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường Doanh thu kinh doanh bất động sản Tiền bảo hành các công trình Đặt cọc góp vốn Đầu tư dài hạn	102.849.923.639 20.020.978.404 196.980.628.180 2.070.775.458 79.892.000 180.700.000.000 525.750.000.000
+ Công ty Cổ phần Phước Thuận Phú Gia BOT	Công ty con	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường Doanh thu hoạt động xây lắp Doanh thu vận hành trạm thu phí Ứng trước cổ tức	43.553.335.591 11.560.120.909 4.666.375.362 28.132.900.927
+ Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê thiết bị, văn phòng Doanh thu dầu Doanh thu nước uống đóng chai	113.636.363 33.843.264 24.359.090
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo ca Khánh Hòa	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường Doanh thu vận hành trạm thu phí	5.088.431.818 8.107.520.814
+ Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	Đầu tư dài hạn	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
+ Công ty CP Tập đoàn Đèo cá	Công ty mẹ	Doanh thu hoạt động xây lắp Doanh thu nước uống đóng chai Doanh thu cho thuê thiết bị, phương tiện Doanh thu bán nhiên liệu Chi phí vé máy bay Chi phí cung cấp công nghệ thông tin Chi phí mua công cụ dụng cụ, tài sản Chi phí mua vật tư đá Chi phí mua đồng phục Chi phí vận hành trạm thu phí Chi phí tiền đào tạo thực sĩ Cho Công ty Vay tiền Tiền lãi vay	24.859.944.667 42.685.452 154.545.453 514.622.364 431.591.612 1.110.936.750 558.936.253 4.756.706.259 1.304.174.025 6.467.378.826 180.000.000 280.131.895.603 13.872.460.460
+ Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay	202.000.000.000 5.946.849.315
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	Nhận trả nợ góp vốn Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	203.750.000.000 403.750.000.000
+ Công ty CP ĐT TM Quốc tế Hà Thành	Cổ đông	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay Thanh toán tiền lãi vay	92.000.000.000 4.310.035.388 190.000.000
		Thanh toán tiền mua cổ phần	49.083.120.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

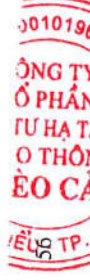
Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP tư vấn XD A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Doanh thu cho thuê xe Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.190.909.107 2.386.866.365
+ Công ty cổ phần An ninh Đèo Cà	quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Doanh thu cung cấp dịch vụ Tiền lãi vay Chi phí dịch vụ bảo vệ	1.208.527.000 102.410.959 27.548.753.500
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Doanh thu cho thuê xe Doanh thu kinh doanh bất động sản Chi phí thí nghiệm công trình	109.090.911 207.272.728 1.236.788.848
+ Công ty cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang	Doanh thu cho thuê xe	354.545.452

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:				
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường Phải thu thi công công trình Tổng cộng	20.603.812.712 1.217.433.000 21.821.245.712	2.385.556.925 2.385.556.925
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cà	Công ty con	Ứng trước công trình Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường Phải thu vận hành trạm thu phí	(10.211.507.100) 143.001.325.500 2.786.170.997	101.509.189.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công công trình Phải thu dịch vụ khác Tổng cộng	37.652.285.312 965.078.270 184.404.860.079	5.732.179.679 965.076.270 97.994.937.849
+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu vận hành trạm thu phí	614.754.900	
		Phải thu tiền thi công công trình	13.017.985.320	3.873.144.500
		Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường Tổng cộng	43.523.187.000 57.155.927.220	966.155.350 4.839.299.850
+ Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	1.324.856.876	1.135.834.286
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu Phải thu về quản lý, vận hành trạm thu phí Tổng cộng	1.367.286.600 990.919.211 2.358.205.811	(267.496.000) (267.496.000)
+ Công ty CP Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Ứng trước công trình Tổng cộng	(65.640.993.207) (65.640.993.207)	(148.949.904) (148.949.904)
		Phải thu cho thuê xe	373.204.252	
	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Phải thu cho thuê nhà Phải thu cung cấp dịch vụ Tổng cộng	287.557.252 2.506.939.600 2.794.496.852	478.800.000 1.177.559.900 2.029.564.152
+ Công ty CP tư vấn Xây dựng A2Z				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Phải thu cho thuê xe	120.000.000	
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang	Phải thu cho thuê văn phòng Tổng cộng	228.000.000 348.000.000	1.329.954.199 1.329.954.199
+ Công ty cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		Phải thu cho thuê xe	180.000.000	
		Tổng cộng	180.000.000	

- Các khoản phải thu khác bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn	55.300.000.000	41.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cá	Công ty con	Tiền bảo hành các công trình Đặt cọc tiền góp vốn	36.478.301.782 32.000.000.000	36.482.224.782 173.300.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Đèo cá	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay	100.000.000	100.000.000
+ Công ty CP ĐT TM Quốc tế Hà Thành	Cổ đông	Phải thu tiền mua cổ phần	49.083.120.000	

- Các khoản phải trả bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	20.713.793.022	2.884.768.143
+ Công ty CP Tập đoàn Đèo Cá	Công ty mẹ	Phải trả tiền vé máy bay Phải trả tiền cung cấp công nghệ thông tin Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản Phải trả mua vật tư đá Phải trả mua đồng phục Phải trả khác	749.145.107 1.572.936.750 558.936.253 4.756.706.259 1.304.174.025 6.467.378.826	317.553.495 462.000.000
	Tổng cộng		15.409.277.220	779.553.495



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Các khoản phải trả bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty cổ phần An ninh Đèo Cá	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Phải trả cung cấp dịch vụ	14.074.704.300	6.959.950.800
+ Công ty CP Tư vấn xây dựng Hoàng Long Huy	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Phải trả	(83.612.662)	642.701.108

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020	01/01/2020
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cá	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay	178.631.895.603 15.812.453.611	237.800.000.000 1.939.993.151
+ Công ty CP tư vấn XD A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đồng lớn	Tiền lãi vay Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay	140.630.137 92.000.000.000 4.120.035.388	38.219.178
+ Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đồng lớn	Cho Công ty vay tiền Tiền lãi vay	2.000.000.000 5.946.849.315	

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và quy định pháp lý có liên quan.

